PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 417 + 418)

Phụ lục IA. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

29. CÔNG TY TNHH TM & SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3646	NP-Kalis	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, lợn con, chó, mèo	HCM-X24-01
3647	Bcomplex-EC	Vitamin C, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP, K_3, Folic acid, Choline	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Phòng, trị các chứng bệnh thiếu vitamin E, C, K, nhóm B	HCM-X24-02

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3648	NP-Diatop	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm, cút	HCM-X24-03
3649	Trị tiêu chảy heo con	Streptomycin, Neomycin, Vit B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Các bệnh tiêu chảy ở heo con do vi khuẩn gây ra	HCM-X24-04
3650	NP-Linspec	Spectinomycin HCL, Lincomycin HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng máu, tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, vịt, chó, mèo	HCM-X24-05
3651	Anti-CRD	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD trên gia cầm, viêm phổi, ly trên heo	HCM-X24-06
3652	NP-Amcolifort	Ampicillin, Colistin, Vit A, B_1, B_6, C	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X24-07
3653	NP-Bitolmin + B_{12}	Sorbitol, Vitamin B_{12}, Methionin, L-Lysin	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Giải độc gan, lợi mật, trị táo bón, phân sống	HCM-X24-08
3654	NP-C.Vit plus	Vitamin C	Gói, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tăng cường sức đề kháng, ngừa stress	HCM-X24-09
3655	Anticoli	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-10
3656	NP-Colixyvit	Oxytetracycline, Colistin, vit A, D_3, K, E, B_{12}, Riboflavine, Niacinamide, Patothenic	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Các bệnh hô hấp mãn tính CRD, viêm xoang, tiêu chảy, viêm ruột	HCM-X24-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3657	Nabusal 10%	1-(butylamino)-1 methylethyl-phosphoric acid, Vit B12	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-12
3658	NP-Levasol 100	Levamisol HCL	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-13
3659	NP-Multivit	Vitamin A, D_3, K_3, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, Niacinamide, Biotin, Folic acid, Sodium bicarbonate, Sodium Chloride, Potassium Chloride	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Bổ sung vitamin và các chất điện giải	HCM-X24-14
3660	NP-Sone	Oxytetracyclin HCL, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X24-15
3661	Olin-EGG	Oxytetracycline, Vitamin A, D_3, K, E, B_2, B_6, B_{12}, PP, Calcium patothenate	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Tăng chất lượng, sản lượng trứng, tăng tỷ lệ nở	HCM-X24-16
3662	NP-Rolin	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X24-17
3663	Broncho inject	Bromhexin HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Dịu ho, làm lỏng dịch nhày phế quản và làm dễ bài xuất đờm	HCM-X24-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3664	NP-Doxymulin	Tiamulin,Doxycycline HCL, Vit A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_{12}, C, Niacinamide, Calcium pantothenate, Folic a	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Phòng và trị tiêu chảy, CRD, cảm cúm, bại liệt, đẻ non, đẻ ít, giúp gà, vịt, cút đẻ ổn định	HCM-X24-19
3665	Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X24-20
3666	Flumet	Flumequine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-21
3667	Vitamin-A.D.E	Vitamin A, D_3, E	Gói Xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg 500g; 1kg	Thiếu vitamin A, D, E. Sẩy thai, chết phôi	HCM-X24-22
3668	NP-Enroflox 5%	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-23
3669	NP-Vit C 2000	Acid Ascorbic	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, chống stress	HCM-X24-24
3670	NP-Norflox 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị chứng nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X24-25
3671	NP-Biseptol 240	Sulfamerazine, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, phù thũng	HCM-X24-26
3672	NP-Polyvit-Forte	Vit A, D_3, E, B1, B_2, B_6, PP	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin	HCM-X24-27
3673	NP-Polyvit B	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, Nicotinamide, D-pathenol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Bổ sung vitamin Nhóm B	HCM-X24-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3674	NP-Norfolx 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị nhiễm trùng do Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma	HCM-X24-29
3675	NP-Enroflox 10%	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, phế quản, THT, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-30
3676	NP-Marbocin	Marbofloxacine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X24-31
3677	NP-Trixine	Sulphadimidine, Trimethprim	Gói Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg, 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, tiêu chảy	HCM-X24-32
3678	NP-Antigum	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, C, K_3, Paracetamol, Methionin, Lysin, Sodium, Pota.chloride	Gói	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng chống bệnh Gumboro, giảm tỷ lệ chết	HCM-X24-33
3679	NP-B.Complex	Vitamin B1, B2, B6, Nicotinamide	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X24-34
3680	NP-Fe + B12	Fe (Dextran), Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé, dê non, cừu non	HCM-X24-35
3681	NP-Enrocin 500	Enrofloxacine	Gói Xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1kg	Viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, tiêu chảy, CRD	HCM-X24-36
3682	NP-Tetramisol	Levamisole	Gói Xô	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g; 1kg	Trừ các loại giun sán trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-37
3683	Oxolin 250	Oxolinic acid	Gói	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Thương hàn, tiêu chảy, tụ huyết trùng, sưng phù đầu	HCM-X24-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3684	Lincocin	Lincomycin HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-39
3685	DIAR STOP-FORTE	Colistin sulfate, Oxytetracyclin	Gói, lon, xô	5; 10; 20; 50; 100; 250g; 500g,1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy cấp tính và mãn tính, tiêu chảy do E.coli, Salmonella	HCM-X24-40
3686	DOXY-FLOXGEN	Doxycyclin HCl, Gentamycin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g, 1kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm phổi, viêm xoang mũi trên gia cầm, gia súc	HCM-X24-41
3687	NP-COLI-AMPI	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg; 500g, 1kg	Phòng, trị tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, Salmonella, viêm phổi, xoang, móng, viêm khớp	HCM-X24-42
3688	Noceral	Norfloxacin, Vit C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, gia cầm	HCM-X24-43
3689	NP-Norcotin	Norfloxacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn. Nhiễm trùng đường niệu trên chó	HCM-X24-44
3690	NP-TIACOLISTIN	Tiamulin, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm, xoắn khuẩn; viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp ở gia cầm	HCM-X24-45
3691	GENTA-COLIFLOX	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị CRD, viêm ruột, E.coli, viêm rốn, phân xanh - phân trắng, sưng đầu vịt, THT, thương hàn, viêm xoang mũi	HCM-X24-47
3692	Dexamethasone 0,1%	Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Chống viêm và chống dị ứng; Dùng kết hợp với kháng sinh trong điều trị	HCM-X24-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3693	NP-AMOX-COLIS	Amoxicillin sodium, Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, viêm khí quản, suyễn, viêm khớp, nhiễm trùng máu, hô hấp, viêm ruột tiêu chảy, bệnh do E.coli	HCM-X24-49
3694	NP-AMPI-COLIS	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị THT, phân trắng, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày, ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-50
3695	NP-ANALGIN-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú	HCM-X24-51
3696	NP-ATROPIN sulfate 0,05%	Atropine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị co thắt ruột, tiêu chảy nặng, co thắt khí - phế quản, phù thũng phổi, giảm đau - tiền mê trong phẫu thuật, giải độc	HCM-X24-52
3697	NP-CALCIUM + B_{12}	Calcium sluconate, Vitamin B_{12}	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị các chứng sốt sữa, co giật, bại liệt, thú bị còi cọc, thiếu máu, chậm lớn	HCM-X24-53
3698	Eco-500	Enrofloxacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, khớp, đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X24-54
3699	NP-BELCOTIN-S Colistine Sulfate 2%	Colistine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm dạ dày ruột, phù thũng, viêm thận, vú, tử cung, viêm đa khớp, viêm phổi	HCM-X24-55
3700	NP-Gentamycine Sulfate 4%	Gentamycine sulfate	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm vú, viêm tử cung, viêm phổi ở gia súc, nhiễm trùng huyết, tiêu chảy	HCM-X24-56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3701	NP-LINCO 10%	Lincomycine HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp nhiễm trùng hô hấp, máu, sinh dục	HCM-X24-57
3702	NP-LEVASOL Levamisol HCl 7,5%	Levamisol HCl	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị sán giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-58
3703	NP-OXYTETRA 10%	Oxytetracyclin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	HCM-X24-59
3704	NP-D.O.C SONE	Thiamphenicol Oxytetracyclin HCl Dexamethasone	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, thối móng	HCM-X24-60
3705	Vitamin AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó	HCM-X24-61
3706	NP-Tylosin 100	Tylosin tatrate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Trị CRD, CCRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm; viêm ruột, viêm vú, lepto	HCM-X24-62
3707	NP-FER 100 (Fe 10%)	Sắt (Fe)	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị thiếu sắt, thiếu máu	HCM-X24-63
3708	NP-Calcium-Fort	Calcium gluconate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Điều trị sốt sữa, bại liệt trước và sau khi đẻ, chứng co giật	HCM-X24-64
3709	NP-Analgin 25%	Analgin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau và tăng sức đề kháng của thú trong các bệnh nhiễm trùng	HCM-X24-65
3710	Vitamin B12	Vitamin B12	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B12	HCM-X24-66
3711	NP-Vit C 1000	Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng, trị thiếu máu do thiếu vit C, tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X24-67

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3712	NP-Ivermectin	Ivermectin	Ống Lọ, chai	2ml 5; 10; 20; 50; 100; 500; 1000ml	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng ở trâu, bò và lợn	HCM-X24-68
3713	NP-Rovam 2000	Spiramycin, Colistin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	HCM-X24-69
3714	NP-T.C.Spiravit	Spiramycin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Oxytetracyclin	HCM-X24-70
3715	NP-Coccin	Sulphadimidin, Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh cầu trùng, ỉa chảy và thương hàn	HCM-X24-71
3716	Napha-TTS	Tetracyclin, Tylosin tatrate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Điều trị bệnh viêm phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Tylosin	HCM-X24-72
3717	NP-Neocoli	Neomycin, Colistin sulphate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin	HCM-X24-73
3718	PVD-Iodine	Povidone iodine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 60; 100; 120; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Sát khuẩn, chống nấm	HCM-X24-74
3719	Naflor L.A	Florphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên heo	HCM-X24-75
3720	Nacosin	Tilmicosin (as phosphate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-76
3721	Mycosin	Tilmicosin (as phosphate)	Lọ, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3722	Albenleva	Albendazol Levamisol HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nội ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-78
3723	Albenzol	Albendazol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị giun, sán trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-79
3724	Amoxicol	Amoxicillin Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-80
3725	Diclazu	Diclazuril	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm, heo	HCM-X24-81
3726	Spectilin	Lincomycin HCl Spectinomycine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hồng lỵ, E.coli, Salmonella spp, viêm phổi trên heo, gia cầm	HCM-X24-82
3727	Tylodox	Tylosine tartrate Doxycycline HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, gia cầm, cừu, lợn	HCM-X24-83
3728	Tylosul	Tylosine tartrate Sulfamethazine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, Mycoplasma, hồng lỵ trên heo, gia cầm	HCM-X24-84
3729	Wor-F	Ivermectin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-85
3730	Cotrim-Fort	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, tụ huyết trùng trên bê, heo, gia cầm	HCM-X24-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3731	E-Flox	Enrofloxacine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-87
3732	Amoxlav	Amoxicillin, Bromhexine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục - tiết niệu, tiêu hóa trên gia cầm, heo	HCM-X24-88
3733	F.M.T	Sulfamonomethoxine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, Coryza, viêm teo mũi truyền nhiễm, nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA) trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-89
3734	Florcol	Florfenicol	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	HCM-X24-90
3735	Tolacox	Toltrazuril	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo con, gia cầm	HCM-X24-91
3736	E-250	Enrofloxacine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị E.coli, thương hàn, Mycoplasma spp trên gia cầm	HCM-X24-92
3737	Eco 500 Spray	Oxytetracycline HCL	Lọ, chai	50; 100; 150; 250ml	Trị vết thương ngoài da, móng	HCM-X24-93
3738	NP-Tiadox	Doxycyclin HCL, Tiamulin fumarat acid	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính trên lợn, gà	HCM-X24-94
3739	Flor-FS	Florfenicol	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gia cầm	HCM-X24-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3740	Floxin	Enrofloxacin	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	HCM-X24-96
3741	Maxflox-B	Enrofloxacin, Bromhexine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị CRD, CCRD, Coryza, Colibacillosis, thương hàn, nhiễm trùng thứ phát trên gia cầm	HCM-X24-97
3742	Doxylin	Doxycycline	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-98
3743	Nystin	Nystatin	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nấm phổi, nấm miệng, nấm diều, viêm phổi bội nhiễm nấm trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-99
3744	A.C.L	Acid lactic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị Nosema, ỉa chảy, ấu trùng phấn, chí lớn (Varoa), ve khí quản (tracheamites) trên ong mật	HCM-X24-100
3745	A.C.F	Acid formic	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị Nosema, ỉa chảy, ấu trùng phấn, chí lớn (Varoa), ve khí quản (tracheamites) trên ong mật	HCM-X24-101
3746	Tilmicos	Tilmicosin phosphate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X24-102
3747	Amox-Colis	Amoxicillin trihydrate, Colistin Sulphate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, viêm rốn trên gia súc, gia cầm non	HCM-X24-103
3748	Ampi-Colis	Ampicillin Trihydrate, Colistine Sulphate	Túi, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-104
3749	NP-Belcotin-S	Colistin sulfate	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-105

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3750	PHARMALIN-C	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X24-106
3751	ANTICOC	Toltrazuril	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, gia cầm	HCM-X24-107
3752	NAKOCID	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride Amyl acetate	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc xác chết	HCM-X24-108
3753	HEPAIN	Sorbitol, Methionine, Lysine, Betaine	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Tăng cường chức năng gan, lợi mật, trị táo bón, phân sống	HCM-X24-109
3754	DOXYNEO	Doxycycline hyclate Neomycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm	HCM-X24-110
3755	DOXYCOL	Doxycycline hyclate Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm	HCM-X24-111
3756	COLITRIM	Colistin sulfate Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-112
3757	NACOX	Sulfadimidine Diaveridine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X24-113

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3758	CEPHAXIN	Cephalexin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị E.coli, Salmonella, Coryza, viêm da trên gia cầm; Trị sốt không rõ nguyên nhân, nhiễm trùng vết thương, mô mềm trên cừu	HCM-X24-114
3759	NP-ENROFLOX 10%	Enrofloxacin base	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, chó	HCM-X24-115
3760	COLI-2400	Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày, ruột	HCM-X24-116
3761	NADOL-FORT	Oxytetracycline HCl, Vitamin C, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng máu, ho, sổ mũi	HCM-X24-117
3762	PARA-C	Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Hạ sốt, giảm đau, trị cảm cúm, cảm lạnh, tăng sức đề kháng khi thời tiết thay đổi	HCM-X24-118
3763	STREP BERIN	Streptomycin (sulfate), Berberin (HCl)	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa	HCM-X24-119
3764	VITAMIN K	Vitamin K	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Cầm máu do phẫu thuật, xuất huyết, viêm ruột, cầu trùng, ký sinh và trong phẫu thuật trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm	HCM-X24-120
3765	NAFOS	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl-Phosphonic acid, Vitamin B12	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	HCM-X24-121

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3766	PYRACOX	Sulfachloropyridazine sodium	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng ruột non, ỉa chảy, thương hàn trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X24-122
3767	CLACOX	Diclazuril	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, gia cầm	HCM-X24-123
3768	SUPERCOX	Sulfachloropyridazine, Diaveridin, Vitamin K	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, ỉa chảy, thương hàn, viêm ruột hoại tử trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm, thỏ	HCM-X24-124
3769	PEN-STREP	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate	Chai	1; 2; 3; 4; 5; 10; 20g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X24-125
3770	AMOXIGEN	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Chai	1; 2; 3; 4; 5; 10; 20g	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-126
3771	GENTAMOX	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-127
3772	AMPI-SEP	Ampicillin trihydrate, Sulfamethoxazole	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị tiêu chảy, tụ huyết trùng, phó thương hàn, CRD, viêm phổi, viêm xoang mũi, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-128
3773	GENTA-TYLO	Tylosin tartrate, Gentamycin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-129

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3774	T.COLI	Neomycin (sulfate), Colistin (sulfate)	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X24-130
3775	TILMICOS	Tilmicosin phosphate	Chai, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X24-131
3776	KETOFEN	Ketoprofen	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, ngựa, heo	HCM-X24-132
3777	COMIX-PLUS	Sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X24-133
3778	ANTICOC	Diclazuril	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên heo, gia cầm	HCM-X24-134
3779	BENCID	Glutaraldehyde,Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride, Amyl acetate	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Tiêu độc, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc xác súc vật chết	HCM-X24-135
3780	DOXTYLAN	Doxycycline HCL, Tylosine tartrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, gia cầm, cừu, lợn	HCM-X24-136
3781	TYLAN POWDER	Tylosine tartrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD trên gia cầm; viêm phổi, ly trên heo	HCM-X24-137
3782	AMOX POWDER	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm xoang, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM-X24-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3783	FLODOX	Flofenicol, Doxycycline HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X24-139
3784	DOXY-FLO	Flofenicol, Doxycycline, Bromhexin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy trên bê, nghé, heo, dê, cừu con, gia cầm	HCM-X24-140
3785	TIALIN	Tiamulin HF	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phế quản - phổi, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo; trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm (coryza) trên gia cầm	HCM-X24-141
3786	INFLUXIN	Flunixin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hỗ trợ điều trị viêm nhiễm gây sốt, hỗ trợ cho liệu pháp kháng sinh	HCM-X24-142
3787	CEFTIFUR	Ceftiofur sodium	Lọ, chai	1; 2; 3; 4; 5; 10; 20g	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên gà, vịt	HCM-X24-143
3788	BROMHEXIN	Bromhexin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị triệu chứng về rối loạn hô hấp, giảm cơn hen. Làm loãng đàm, tan đàm trên bò, ngựa, heo, gia cầm, chó, mèo	HCM-X24-144
3789	ANALGIN + C	Analgin, Vitamin C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-145
3790	TULAMYCIN	Tulathromycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X24-146
3791	BROM PLUS	Bromhexin HCl	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị triệu chứng về rối loạn hô hấp, giảm cơn hen. Làm loãng đàm, tan đàm trên gia cầm	HCM-X24-147

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3792	Amox - Cs	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, hội chứng MMA trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X24-148
3793	Ampisul	Ampiciilin tryhydrate, Sulfamethoxazole	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy phân trắng ở heo con, tụ huyết trùng, phó thương hàn, CRD, viêm phổi, viêm xoang mũi, viêm tử cung, viêm khớp, viêm móng	HCM-X24-149
3794	Anal + C Ws	Analgin, Vitamin C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giảm đau, hạ số, tăng sức đề kháng, phòng bệnh cảm cúm do thay đổi thời tiết	HCM-X24-150
3795	Tylo	Tylosin tartrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh CRD trên gia cầm, bệnh viêm phổi, lỵ trên heo	HCM-X24-151
3796	Tysul - T.T.S	Tylosin tartrate, Sulfadimidine sodium	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy u loét ruột trên heo	HCM-X24-152
3797	Coli	Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày, ruột trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-153
3798	Sultrim	Sodium sulfachloropyridazine, Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột, nhiễm trùng huyết do E.coli, viêm phế quản - phổi, viêm đa khớp, viêm rốn trên bê, heo, gia cầm	HCM-X24-154
3799	Sulcox	Sodium sulfachloropyridazine	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh cầu trùng ruột non (gia cầm tiêu chảy phân có màng giả lẫn máu), ỉa chảy, thương hàn	HCM-X24-155

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3800	Mycotivet - Ws	Tilmicosin phosphate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-156
3801	Amoxilin	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X24-157
3802	Dox - Tylo	Tylosine tartrate, Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X24-158
3803	Ancox	Sulfadimidine sodium, Diaveridine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh cầu trùng, ỉa chảy và thương hàn	HCM-X24-159
3804	Doxin - Ws	Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, cừu dê, heo, gia cầm	HCM-X24-160
3805	Enflox Ws	Enrofloxacine HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X24-161
3806	Cetamol + C	Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Hạ sốt, giảm đau, trị cảm cúm, cảm lạnh, tăng sức đề kháng khi thời tiết thay đổi	HCM-X24-162
3807	Berin - S	Streptomycin sulfate, Berberin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy	HCM-X24-163
3808	Linspec	Lincomycin HCl, Spectinomycin HCl	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X24-164

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3809	Flor	Florfenicol	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X24-165
3810	Toltrazu	Toltrazuril	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Phòng trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X24-166
3811	Diclacox	Diclazuril	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm, cừu, heo, thỏ	HCM-X24-167
3812	Florcol	Florfenicol	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	HCM-X24-168
3813	Mycotivet	Tilmicosin phosphate	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X24-169
3814	Maxlox	Enrofloxacine base	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trâu bò: điều trị các bệnh trên đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo gia cầm	HCM-X24-170
3815	Alcocol	Neomycin sulfat, Colistin sulfat	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn, thỏ, gia cầm	HCM-X24-171
3816	An - Dine	Povidone Iodine	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Sát trùng tiêu độc chuồng trại, dụng cụ, phương tiên vận chuyển	HCM-X24-172
3817	Clean Cid	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride	Lọ, can	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Thuốc dùng để tiêu độc, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, tiêu độc xác súc vật chết	HCM-X24-173
3818	Enflox	Enrofloxacin base	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, các bệnh về khớp, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X24-174

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3819	Spiracol	Spiramycin adipate, Colistin sulfate	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Colistin	HCM-X24-175
3820	Marbo	Marbofloxacine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X24-176
3821	Flor - La	Florphenicol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, đường hô hấp, viêm da	HCM-X24-177
3822	FERDEX B12	Fe (as Dextran complex); Vit B12	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Phòng và chữa bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở lợn con sơ sinh, bê, nghé, dê non	HCM-X24-178
3823	BROMXIN	Bromhexin HCl	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Tác dụng làm dịu ho, làm lỏng dịch nhày phế quản và làm cho đờm được bài xuất dễ hơn	HCM-X24-179
3824	AMCOLI	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cho các bệnh viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do vi khuẩn và viêm rốn trên gia súc gia cầm non	HCM-X24-180
3825	DEXAVET	Dexamethasone sodium phosphate	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Điều trị các bệnh dị ứng, phù nề, viêm phổi, viêm phế quản, viêm gân, viêm tử cung và viêm âm đạo	HCM-X24-181
3826	AMOX - LA	Amoxicilline trihydrate	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram dương và Gram âm gây ra	HCM-X24-182
3827	COLISTIN	Colistin sulfate	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli, viêm ruột	HCM-X24-183
3828	THIAMCOL	Thiamphenicol	Gói, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Đặc trị thương hàn, E.coli, bệnh ỉa chảy phân xanh, phân trắng (bạch lỵ), sưng phù đầu	HCM-X24-184

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3829	NAGINVET	Analgin	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Trị thấp khớp, giảm cơn co thắt đường ruột, chướng bụng, giảm nhu động ruột, hạ sốt trong các trường hợp nhiễm trùng huyết	HCM-X24-185
3830	ANAL + C	Analgin; Vitamin C	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng cấp, kháng viêm, chống stress, giảm đau	HCM-X24-186
3831	BUTAPHOS	Butafosfan, Vitamin B12	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa do trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên heo, trâu, bò, bê, nghé, cừu, gia cầm	HCM-X24-187
3832	VITA - C	Ascorbic acid	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Trong các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, thời kỳ hồi phục sau khi mắc bệnh	HCM-X24-188
3833	CALCI + B12	Calcium gluconate, Vitamin B12	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Điều trị các bệnh do thiếu Calcium như: còi cọc, chậm lớn, sốt sữa, bại liệt, co giật, còi xương, xuất huyết, phù thũng	HCM-X24-189
3834	AMPICOL	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi sinh vật nhạy cảm với Ampicilline và Colistin ở trâu bò, heo, dê, chó, mèo	HCM-X24-190

30. CÔNG TY TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3835	Linspec	Spectinomycin sulfate Lincomycin hydrochloride	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột trên heo. Trị CRD trên gia cầm	HCM-X32-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3836	Decoci	Sulfachlozine sodium salt	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	HCM-X32-2
3837	Iverich	Ivermectin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Phòng và trị bệnh nội, ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X32-3
3838	A-C	Amoxycillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột, viêm phổi - màng phổi, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, ngựa con, heo, cừu, dê, gia cầm	HCM-X32-4
3839	Amoxin-20	Amoxycillin trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-5
3840	F1	Amoxycillin trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-6
3841	Ampicoli-UV	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-7
3842	Bromox	Amoxycillin trihydrate, Bromhexine hydrochloride	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm đường hô hấp, tụ huyết trùng, tiêu chảy, thương hàn, hồng lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X32-8
3843	Colis-100	Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm gây ra như Salmonella, E.coli	HCM-X32-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3844	Colis-500	Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, thỏ, gia cầm	HCM-X32-10
3845	Rydoxyne	Doxycycline hyclate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm khớp, viêm phế quản phổi, sẩy thai truyền nhiễm, viêm tử cung, hội chứng MMA, viêm dạ dày ruột trên heo. Trị hô hấp, viêm khớp, tụ huyết trùng trên gia cầm	HCM-X32-11
3846	Enro-B	Enrofloxacin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị ly, E.coli, Mycoplasma, thương hàn, viêm phổi trên gà	HCM-X32-12
3847	Thidoxin	Gentamycin sulfat Doxycycline hyclate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X32-13
3848	Sultrim 480	Trimethoprim Sulphadiazine natri	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, ruột, tiết niệu, da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X32-14
3849	FH-Guard	Doxycycline hyclate Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-15
3850	Tylosol	Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm khớp trên gia cầm	HCM-X32-16
3851	Tysuzine	Tylosin Sulfamethazine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, hồng ly, u loét ruột trên heo, gia cầm	HCM-X32-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3852	Myco-550	Spiramycin Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, cừu non, dê con, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X32-18
3853	Flor-UV	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	HCM-X32-19
3854	Wheezing	Josamycin Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính (CRD), viêm khớp trên gia cầm	HCM-X32-20
3855	Gentasin	Gentamicin sulfate Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X32-21
3856	Jentel	Levamisole HCL	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị giun trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X32-22
3857	Tetrain	Tetracycline, Tylosine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh ở phổi trên trâu, bò, heo	HCM-X32-23
3858	Thidomethy	Colistin sulfate Oxytetracyclin (HCl)	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X32-24
3859	Tyco	Tylosin tartrate Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25; 50kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-25
3860	AGENXA	Amoxicillin (trihydrate), Gentamycin (sulphate)	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm tử cung, viêm ruột, viêm vú trên heo, trâu, bò	HCM-X32-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3861	UV-SOMAX	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm, viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ, CRD, phó thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-27
3862	UV-CEP	Ceftiofur	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp, viêm phổi dính sườn, viêm phổi trên heo, gia cầm	HCM-X32-28
3863	UV-FLOR	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X32-29
3864	PECLIN-UV	Lincomycin HCl, Spectinomycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, lỵ, viêm ruột, viêm khớp trên bê, heo, gia cầm	HCM-X32-30
3865	AMLIN-UV	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú ở gia súc, gia cầm	HCM-X32-31
3866	SUTRI-UV	Sulfamethoxy pirydazin, Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phó thương hàn, kiết lỵ, viêm phế quản, viêm vú, tử cung, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	HCM-X32-32
3867	UV-MYCINE	Tylosin tartrate, gentamycin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm móng, viêm tử cung, viêm khớp, hồng lỵ, thương hàn, nhiễm trùng máu, viêm xoang, nhiễm khuẩn niệu, da, dạ dày - ruột trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-33
3868	UV-SILO	Tylosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi địa phương, CRD, viêm phế quản, viêm khí quản, viêm thanh quản trên bò, heo, gia cầm	HCM-X32-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3869	MULVITA-UV	Vitamin A, D_3, E	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng bệnh do thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng sinh sản trên gia súc, gia cầm	HCM-X32-35
3870	UV-BAMIN	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl-Phosphonic acid, Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, heo, cừu, gia cầm	HCM-X32-36
3871	UV-C10	Acid Ascorbic	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường sức đề kháng, chống stress khi vận chuyển, cắt mỏ, tiêm chủng, chia đàn	HCM-X32-37
3872	UV-ENROCIN	Enrofloxacine (5g)	Chai		Trị viêm ruột tiêu chảy, phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp trên trâu, bò, heo	HCM-X32-38
3873	UV-BIRO	Enrofloxacine (10g)	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, hen suyễn, viêm khớp, hội chứng sốt không rõ nguyên nhân trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X32-39
3874	UV-AMCO	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị MMA (viêm vú, viêm tử cung, mất sữa), tiêu chảy cho heo con, phù đầu trên heo cai sữa	HCM-X32-40
3875	UV-LUTA	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi - màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm phổi phức hợp trên heo, trâu, bò	HCM-X32-41
3876	UV-MAFLOX	Marbofloxacin, Thioglycerol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viên phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo và tiêu chảy trên heo con	HCM-X32-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3877	UV-THIAM	Thiamine HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị viêm đa dây thần kinh, thoái hóa thần kinh ngoại vi, các trường hợp biếng ăn, chậm lớn, còi xương cho gia súc, gia cầm	HCM-X32-43
3878	UV-LINCO	Lincomycin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Lincomycin gây ra	HCM-X32-44
3879	UV-MIRAL	Calcium gluconate, Boric acid, Magnesium hydrophosphite	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu hụt canxi cấp tính (giảm canxi huyết) và thiếu hụt magiesium như sốt sữa, bại liệt sau khi sinh, co giật	HCM-X32-45
3880	UV-DIFLOX	Difloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu, đường ruột, tiêu chảy	HCM-X32-46
3881	UV-SADIN	Sulfadimidine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu trên heo, bò, chó, mèo và cầu trùng trên gia cầm	HCM-X32-47
3882	UV-SIGEN	Tylosin tartrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm móng, đóng dấu, viêm tử cung, thương hàn, nhiễm trùng máu, viêm tiết niệu, da, dạ dày - ruột, trên trâu, bò, heo, gia cầm, chó, mèo	HCM-X32-48
3883	UV-ETA	Vitamin E acetate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị chứng loạn dưỡng cơ bắp ở cừu, bê, nghé, heo; viêm xoang bao tim ở heo; ngộ độc sắt ở heo sữa, con non yếu khi mới sinh	HCM-X32-49
3884	UV-DIMYCIN	Spiramycin, streptomycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi địa phương, đóng dấu, viêm vú, CRD, coryza trên heo, trâu, bò, gia cầm	HCM-X32-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3885	UV-LEVA	Levamisole	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị giun tròn dạ dày - ruột như giun đũa, giun phổi, giun tóc ở heo, trâu, bò	HCM-X32-51
3886	UV-DESODA	Dipyrone	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X32-52
3887	UV-C20	Ascorbic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng ngừa các triệu chứng thiếu Vitamin C, suy nhược cơ thể, chảy máu cam, hoại huyết, sốt cao, tăng cường sức đề kháng	HCM-X32-53
3888	UV-DOXAN	Doxycyclin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm phế quản, hen suyễn trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X32-54
3889	UV-PACI	Paracetamol, Diclofenac	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X32-55
3890	UV-CEFUR	Ceftiofur (50mg)	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, hoại tử (viêm móng), viêm tử cung trên trâu, bò, heo	HCM-X32-56
3891	UV-LIFA	Rifamycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng cấp tính trên bò, heo, gia cầm, chó, mèo	HCM-X32-57
3892	UV-ANTIBAC	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột, niệu - sinh dục, nhiễm trùng kế phát bệnh do virus trên trâu, bò, heo	HCM-X32-58
3893	UV-NOR10	Norfloxacine (100mg)	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Nhiễm trùng hô hấp và dạ dày - ruột, thương hàn, tiêu chảy do E.coli, chướng bụng, đầy hơi	HCM-X32-59
3894	UV-NOR20	Norfloxacine (200mg)	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, phó thương hàn, chướng bụng đầy hơi, viêm nhiễm hóa mủ	HCM-X32-60

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3895	UV-FLO	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-61
3896	UV-THIAM 2000	Thiamphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột tiêu chảy, phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, đau móng, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú ở gia súc, gia cầm	HCM-X32-62
3897	UV-FeB12	Iron Dextran	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị thiếu máu trên heo con theo mẹ	HCM-X32-63
3898	NƯỚC MUỐI SINH LÝ	NaCL	Chai nhựa	20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Rửa mắt, rửa mũi, rửa vết thương	HCM-X32-64
3899	UV-COLI	Ampicillin, Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	HCM-X32-65
3900	UV-TIDO	Gentamycin, Doxycycline, Vitamin A, D3	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-66
3901	UV-OK	Colistin, Oxytetracycline	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm rốn, viêm ruột tiêu chảy trên gà con, vịt con dưới 1 tuần tuổi; trị viêm đường hô hấp trên heo	HCM-X32-67
3902	UV-FLU	Flumequine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột gây tiêu chảy trên gia cầm	HCM-X32-68
3903	UV-500	Spiramycin, Trimethoprime	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	HCM-X32-69
3904	TETRA-UV	Tetracycline, Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3905	UV-LINO	Spectinomycin, Lincomycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-71
3906	UV-NECO	Neomycin Sulfate, Colistin Sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, thỏ	HCM-X32-72
3907	UV-PARA	Oxytetracycline, Paracetamol, Vitamin A, D3, E	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	HCM-X32-73
3908	UV-NEOCIN	Oxytetracycline, Neomycin, Vitamin A, D3, E	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	HCM-X32-74
3909	UV-EN	Enrofloxacin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM-X32-75
3910	UV-COLISVIT	Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột trên bê, heo con, gia cầm	HCM-X32-76
3911	UV-TALIN	Oxytetracycline	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, cừu non, gia cầm	HCM-X32-77
3912	UV-CINE	Colistin, Oxytetracycline	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên lợn, gia cầm, thỏ	HCM-X32-78
3913	UV-DOXY	Doxycycline	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X32-79
3914	UV-SULFA	Sulfadimidine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-80
3915	UV-TACIN	Oxytetracyclin, Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, viêm da, viêm khớp trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X32-81

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3916	ADE-TREP	Streptomycin, vitamin A, D, E	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X32-82
3917	TILMICOSIN-UV	Tilmicosin	Chai	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X32-83
3918	UV-ANALGIN C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	HCM-X32-84
3919	ACOSAL	Colistin, Amoxillin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy trên heo	HCM-X32-85
3920	SPIRALIS	Spiramycin, Colistin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị CRD, hen kết hợp *E.coli*, tụ huyết trùng, coryza, viêm đường hô hấp do *Mycoplasma*	HCM-X32-86
3921	NUTRISAL	Adenosin triphosphate, Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Hỗ trợ điều trị trong các rối loạn chuyển hóa, phục hồi sức sau khi thú bệnh	HCM-X32-87
3922	UV-TC	Tiamulin, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, suyễn trên heo, gia cầm	HCM-X32-88
3923	BCOMPLEX INJ	Vitamin B1, B2, B6, PP, B12, D-expanthenol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị thiếu vitamin nhóm B, chống còi cọc, xù lông, chậm phát triển, hồi sức sau khi thú bệnh	HCM-X32-89
3924	UV-CEFTRYL	Ceftiofur Na	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị *E.coli*, tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy trên gia cầm	HCM-X32-90
3925	UV-PARAS	Permethrin	Chai	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Diệt muỗi, ruồi, nhặng, kiến gián trong trang trại chăn nuôi; trị rận, ve, bọ chét, mòng ở gia súc; trị mạt gà	HCM-X32-91
3926	UV-PET	Permethrin	Chai	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị rận, ve, bọ chét, mạt cho thú nuôi trong nhà	HCM-X32-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3927	GENTALIS	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, hồng lỵ, tụ huyết trùng, đóng dấu, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo	HCM-X32-93
3928	UV-REMAL	Ketoprofene	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau trong hội chứng viêm khớp, viêm móng, viêm vú trên bò sữa. Các trường hợp sốt cao, bỏ ăn	HCM-X32-94
3929	UV-ATROPIN	Atropin sulfate	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị co thắt ruột, khí phế quản, giảm đau	HCM-X32-95
3930	MERGENCY	Cafein	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Kích thích tuần hoàn, tim mạch trong trường hợp thú suy kiệt sau khi giải phẫu, sinh đẻ hoặc bệnh nặng. Giải độc thuốc mê, thuốc ngủ, cấp cứu	HCM-X32-96
3931	UV-PRO	Progesterone, Vitamin E	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều chỉnh chu kỳ động đực, chống rụng trứng giả, nguy cơ bị sảy thai	HCM-X32-97
3932	UV-GALAXY	Cloprostenol Na	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giúp lên giống, kích đẻ, kết hợp điều trị viêm tử cung trên bò, ngựa	HCM-X32-98
3933	UV-NYSTA	Nystatin 5000 IU, Enrofloxacin 10g	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1 lít; 5 lít	Trị nấm phổi, nấm nội tạng nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy trên gia cầm	HCM-X32-99
3934	ADE-BCOMPLEX	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, PP	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh thiếu vitamin. Tăng sức đề kháng, hồi sức sau khi bệnh, giảm stress do vận chuyển, do thời tiết thay đổi	HCM-X32-100
3935	DEXA	Dexamethasone	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm, chống dị ứng và stress	HCM-X32-101
3936	FLOSAL^{D}	Florfenicol, Doxycycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X32-102

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3937	UV-IVER	Ivermectin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội ký sinh trùng, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, ngựa, heo	HCM-X32-103
3938	UV-MEZINE	Promethazine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	An thần, chống dị ứng trên gia súc, gia cầm	HCM-X32-104
3939	FLOSAL	Florfenicol	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị tiêu chảy, hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X32-105
3940	ENROSAL 20%	Enrofloxacin base	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị CRD, CCRD, tiêu chảy do E.coli, Salmonella trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	HCM-X32-106
3941	NORCOLIS	Norfloxacin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	HCM-X32-107
3942	COCOTRA 25	Toltrazuril	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X32-108
3943	COCOTRA	Toltrazuril	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé	HCM-X32-109
3944	EN-10	Enrofloxacin base	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị CRD, nhiễm trùng máu, tụ huyết trùng, coryza, bạch lỵ, thương hàn trên gia cầm	HCM-X32-110
3945	CN-20	Colistin	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, heo, cừu, gia cầm	HCM-X32-111

31. CÔNG TY CỔ PHẦN CTCBIO VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3946	Fencol 100S	Florfenicol	Gói, bao	100; 500g; 1; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi Actinobacillus pleuropneumoniae	CTC-16
3947	Doxymix 100	Doxycyclin hyclate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, vết thương trên bê, nghé, heo, gia cầm	CTC-17
3948	Lincomix 10	Lincomycin HCL	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh lỵ, viêm phổi trên heo	CTC-18
3949	Tilmisol	Tilmicosin phosphate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	CTC-19
3950	Tylo S	Tylosin tartrate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm hồi tràng, bệnh lỵ, viêm phổi trên heo, gà	CTC-20
3951	Neo 10	Neomycin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, heo, gia cầm	CTC-21
3952	Fendoxy	Florfenicol; Doxycyclin hyclate	Gói, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh hô hấp và tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	CTC-22
3953	Tylvalo Premix	Tylvalosin tartrate	Gói, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị viêm phổi, lỵ, viêm hồi tràng trên heo, trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	CTC-23
3954	Tylandox Soluble	Tylosin tartrate; Doxycyclin hyclate	Gói, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị viêm dạ dày ruột, nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	CTC-24
3955	Tylansulfa Soluble	Tylosin tartrate; Sulfadimethoxine sodium	Gói, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên heo	CTC-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3956	Amxicol	Ampicillin trihydrate; Colistin sulfate	Gói, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên heo và gia cầm	CTC-26
3957	Linspecmix	Lincomycin hydrochloride; Spectinomycin hydrochloride	Gói, bao	100, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	CTC-27

32. CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH ANOVA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3958	NOVA-AMPICOL	Ampicilline, Colistin	Gói, túi, hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bạch lỵ, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy do E.coli, Salmonella, Clostridium gây ra	LD-AB-1
3959	NOVA-BACTRIM 48%	Sulfadiazine, Trimethoprime	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh đường ruột, hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm gây ra do vi trùng	LD-AB-3
3960	NOVA-CRD STOP	Erythromycine, Sulfamethoxazole.	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa và điều trị CRD, CRD kết hợp E.coli, nhiễm trùng E.coli đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm khớp	LD-AB-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3961	NOVA COC	Diaveridine, Sufadimidine, Vitamin A	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, heo con, thỏ, bê, nghé	LD-AB-5
3962	NOVA CLOZIN	Sulfaclozine, Vitamin A	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bệnh cầu trùng, tiêu chảy trên gà, heo do nhiễm ghép cầu trùng với Salmonella	LD-AB-6
3963	NOVA-COCI STOP	Sulfaquinoxaline, Diaveridine, Vitamin A	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm, heo, thỏ, bê, nghé, bệnh cầu trùng kết hợp với viêm ruột do các loại vi trùng khác	LD-AB-7
3964	NOVA-DOXINE	Doxycycline, Bromhexine	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị Mycoplasma, Lepto và các vi trùng Gram (-), Gram (+)	LD-AB-9
3965	NOVA LEVASOL	Levamisol	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Thuốc tẩy các loại giun tròn trên gia súc, gia cầm	LD-AB-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3966	NOVA-METOGEN	Gentamycin, Trimethoprime.	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị tiêu chảy phân trắng; phân vàng; phân xanh hoặc phân có máu trên gia cầm, heo, bê, nghé	LD-AB-12
3967	NOVA-MYCOPLASMA	Kitasamycin Amoxicilline	Gói Túi; Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị bệnh do Mycoplasma kết hợp với các loại vi trùng khác	LD-AB-13
3968	NOVA SULMIX	Sulfachloropyridazine, Trimethoprime	Gói Túi; Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm như: viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, bạch lỵ, sưng phù đầu	LD-AB-14
3969	NOVA-TRIMEDOX	Trimethoprime, Doxycycline	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp	LD-AB-15
3970	NOVA-TRIMOXIN	Amoxicilline, Trimethoprime	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Thuốc trị tụ huyết trùng, viêm phổi trên gia súc, gia cầm	LD-AB-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3971	NOVA LINCO-S	Lincomycin, Spectinomycine	Gói Túi, Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm khớp, viêm ruột trên gia súc, gia cầm do vi trùng gây ra	LD-AB-17
3972	NOVA LACTIC	Acid Lactic, Tartric, Malic,, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B12, Orthophosphoric, Acid Citricpyridoxine	Gói Túi Hộp, bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường ruột, rối loạn tiêu hóa, tiêu chảy. Tăng tỷ lệ tiêu hóa. Tăng trọng nhanh, tăng khả năng sinh sản, đẻ trứng	LD-AB-19
3973	NOVA-C PLUS	Vitamin C, Potassium chloride, sodium chloride	Gói Túi, Hộp bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh và chống xuất huyết. Chống stress khi trời nắng nóng hoặc lúc tiêm phòng, chuyển chuồng	LD-AB-34
3974	NOVA-C COMPLEX	Vitamin A, C, B1 và D3, Sodium chloride, Potassium chloride	Gói Túi, Hộp bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh trong quá trình nuôi. Chống stress do tiêm phòng, vận chuyển hoặc do thời tiết thay đổi	LD-AB-35
3975	NOVA-STRESS	Vit A, D3, E, K3, C, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid, calcium, pantothenate, lysine, potassium chloride, methionine	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Nâng cao sức kháng bệnh, chống stress. Giúp gia súc, gia cầm giữ vững năng suất cao ngay trong điều kiện bị stress	LD-AB-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3976	NOVA-VITONIC	Vitamin A, D, E, K3, C, vitamin B1, B2, B6, B12, pantothenic acid, nicotinic acid, methionine	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg 5kg 10kg; 25kg	Tăng sức kháng bệnh, chống stress lúc gia súc, gia cầm bị stress do tiêm phòng, thay đổi thời tiết, chuyển chuồng, cắt mỏ...	LD-AB-38
3977	Nova ACB.Complex	Dipyrone, Vitamin C, Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin B12	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Hạ sốt, kết hợp chống xuất huyết và nâng cao sức khỏe trong các bệnh nhiễm trùng cấp tính	LD-AB-42
3978	Nova B.Complex	Thiamin, Pyridoxine, Riboflavin, Choline chloride, Niacinamide, Cyanocobalamin, D-Panthenol, ATP	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trợ sức tăng lực, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh. Tăng cường trao đổi chất, tăng khả năng sinh sản, sức kháng bệnh	LD-AB-43
3979	Nova-Calcium + B12	Ca. borogluconate, Magnesium chloride, Vit B12	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do thiếu Calcium và Magnesium như: còi xương, chậm lớn, sốt sữa, bại liệt, co giật, xuất huyết, phù	LD-AB-44
3980	Nova Fe + B12	Iron, Vitamin B12	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, thiếu máu do mất máu hoặc thiếu máu do nhiễm ký sinh trùng	LD-AB-45
3981	Nova Fer 100	Iron	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng ngừa và điều trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở heo con, bê, nghé, dê, cừu	LD-AB-46
3982	Nova-ADE	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, D, E. Nâng cao sức đề kháng	LD-AB-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3983	Nova-ATP Complex	Adenosin triphosphate (ATP), Sodium selenite, Vit B12, B1	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Suy nhược do mắc bệnh, hoặc do thiếu dinh dưỡng. Yếu cơ, đứng không vững. Bại liệt không đứng được	LD-AB-48
3984	Nova-Ana C	Dipyrone, Vitamin C	Ống, Chai, lọ	2; 5; 10ml; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Hạ sốt nhanh và hiệu quả kéo dài trong các bệnh nhiễm trùng cấp tính	LD-AB-49
3985	Nova-Bromhexine Plus	Bromhexine, Dipyrone, Dexa.	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300ml;	Chống viêm, hạ sốt kết hợp với long đờm, giảm ho, giãn phế quản	LD-AB-50
3986	Nova-C.VIT	Vitamin C	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít.	Trị suy nhược, sốt cao, xuất huyết, tăng chức năng giải độc, tăng sức kháng bệnh lúc thú bị stress	LD-AB-51
3987	Nova-D.O.T	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị thương hàn, THT, dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, đau móng, sưng phù đầu	LD-AB-52
3988	Nova-Enrocin 10%	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân có máu, viêm phổi cấp hoặc mãn tính, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu	LD-AB-53
3989	Nova-Gentasone 10%	Gentamycin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, hô hấp như: viêm phổi, viêm màng phổi, viêm đa khớp, viêm tử cung, viêm vú	LD-AB-54
3990	Nova Leva	Levamisol	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Tẩy các loại giun đũa, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc, giun xoăn dạ múi khế, giun kết hạt, giun phổi	LD-AB-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3991	Nova Mectin 0,25%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và điều trị ghẻ, các loại giun tròn như giun đũa, giun thận, giun tim	LD-AB-56
3992	Nova Mectin 1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Phòng và điều trị ghẻ, các loại giun tròn như giun đũa, giun thận, giun tim	LD-AB-57
3993	Nova-Norcine	Norfloxacin, Bromhexine	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm màng phổi, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, viêm ruột tiêu chảy, CRD	LD-AB-58
3994	Nova-Ticogen	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân có máu, tụ huyết trùng, nhiễm trùng vết thương, viêm khớp, đau móng, CRD, CRD kết hợp E.coli, THT, thương hàn	LD-AB-59
3995	Nova Tylo-D 10%	Tylosin, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, viêm vú, nhiễm trùng vết thương, viêm da có mủ, viêm phổi do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm	LD-AB-60
3996	Nova-Tylospec	Tylosin, Spectinomycin, Prednisolone	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, CRD, CRD kết hợp E.coli, sưng phù đầu, viêm xoang mũi	LD-AB-61
3997	Novasone	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Prednisolone, Bromhexine, Lindocai	Ống Chai, lọ	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị thương hàn, sốt bỏ ăn THT dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tiêu chảy, đau móng, sưng phù đầu, viêm vú, viêm tử cung,...	LD-AB-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3998	Nova-Para C	Paracetamol, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước và chất điện giải lúc gia súc, gia cầm sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng hoặc lúc trời nắng nóng	LD-AB-63
3999	Nova-Paraxin	Paracetamol, Potassium chloride, Sodium chloride, Betaine, Bromhexine	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10; 25kg	Hạ sốt, chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong tế bào và trong máu; chống stress nhiệt lúc trời nắng nóng	LD-AB-64
4000	Nova-Electrovit	Vitamin E, Biotin, Inositol, Sodium bicarbonate, Betaine, Gluconate calcium,	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress; Chống mất nước, cân bằng chất điện giải trong trường hợp mất nước do sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-66
4001	Nova E-Selen	Vitamin E, Selenium	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Chống bệnh teo cơ, yếu cơ gây bại liệt ở thú sinh sản	LD-AB-67
4002	Nova-Biotine	Biotin, Vit A, D3, E, Zinc	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch	LD-AB-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4003	Nova-Growth	Beta-glucan, Zinc oxide, Biotin, Vitamin A, D3, Vit nhóm B	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg; 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Tăng cường sức đề kháng, tăng khả năng miễn dịch	LD-AB-69
4004	Nova-Hepavit	Sorbitol, Vitamin B12, Methionine, Betaine,	Chai Lọ, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml. 20ml; 1 lít, 4 lít, 20 lít	Bổ gan, lợi mật, giúp ăn ngon miệng	LD-AB-75
4005	Nova Enro 10%	Enrofloxacin	Chai Lọ Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml; 20ml 1 lít, 4 lít, 20 lít	Đặc trị CRD ghép với E.coli, sưng phù đầu do E.coli hoặc Mycoplasma, viêm ruột tiêu chảy, viêm rốn	LD-AB-76
4006	Novazuril	Toltrazuril	Chai Lọ, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml, 20ml; 1 lít, 4 lít, 20 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gà và thỏ	LD-AB-77
4007	Nova Flox 20%	Norfloxacin	Chai Lọ Can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít 10ml, 20ml 1 lít, 4 lít, 20 lít	Trị CRD, C-CRD, THT, nhiễm trùng máu, thương hàn, bạch lỵ; viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi	LD-AB-78
4008	Nova-Tetra LA	Oxytetracycline	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương, viêm da trên trâu bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	LD-AB-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4009	Nova-Aminovita	Cystine, Isoleucine, Leucin, Lysine, Methionine, Phenylalanin, Threonine, Trytophan, Valin, D-Pantothenol, Nicotinamide, Pyridoxine, Riboflavin, Thiamin, Calci chloride, Magne Chloride, Potassium chloride	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Bồi dưỡng, tăng lực, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh hoặc bị stress. Chống suy nhược, đặc biệt hiệu quả trên thú bị còi cọc, mất sức do làm việc nặng nhọc, lúc sinh đẻ, hoặc do mắc bệnh nặng	LD-AB-81
4010	Novasal	1-(n butylamino)-1 methylethyl phosphorous acid, Vitamin B12, Methyl hydroxybenzoate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Kích thích tiết sữa trên heo nái, bò sữa, dê cừu. Tăng tỷ lệ đẻ trứng trên gà, vịt đẻ. Chống bại liệt, suy nhược, còi cọc do mắc bệnh hoặc suy dinh dưỡng	LD-AB-82
4011	Nova-Flor	Florphenicol, Dexamethasone, Bromhexine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-83
4012	Nova-Fe + B.Complex	Iron, Vitamin B1, B6, B12	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt, mất máu hoặc do ký sinh trùng ở heo con, bê, nghé, dê, cừu	LD-AB-84
4013	Nova-ADE Vita	Vitamin A, D3, E	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin A, D, E. Nâng cao sức đề kháng bệnh, sức tăng trưởng và khả năng sinh sản	LD-AB-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4014	Novalinco-spectin	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo: Trị hồng lỵ, tiêu ra máu, phân trắng, phân vàng, viêm phổi, THT. Gia cầm: Điều trị CRD, C-CRD, viêm khớp, viêm ruột tiêu chảy	LD-AB-86
4015	Kanacin 10%	Kanamycine, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị THT, viêm phổi, màng phổi, viêm khớp, đau móng, viêm tử cung, viêm vú	LD-AB-87
4016	Nova-Polivit	Vitamin A, D3, E, B1, B6, B12, PP, glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng sức kháng bệnh lúc gia súc đang mắc bệnh hoặc bị Stress. Giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh	LD-AB-88
4017	Nova-AC Xanh	Prednisolone, Dipyrone, Vit C, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Chống viêm kết hợp với hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng cấp, các trường hợp sốt cao không rõ nguyên nhân	LD-AB-89
4018	Nova-Para+C	Paracetamol, Vit C,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Hạ sốt, kháng viêm trong các bệnh nhiễm trùng gây sốt cao, giảm đau	LD-AB-91
4019	Nova-Tylosin 20%	Tylosin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị các nhiễm trùng do Mycoplasma và vi khuẩn Gram (+) nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng sau phẫu thuật	LD-AB-92
4020	Tialin 10%	Tiamuline hydrogen fumarate, Dexamethasone,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, THT, viêm màng phổi, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, tiêu ra máu trên heo sau cai sữa	LD-AB-93
4021	Novasal Complex	ATP, Vitamin B1, B6, 1-(Cyanocobalamin, n-Butylamino)1-methyletylphosphonous acid	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng cường đề kháng trong các trường hợp kiệt sức, do làm việc quá mức hay thời tiết thay đổi, suy nhược do mắc bệnh, chậm lớn, còi cọc, chậm lên giống, không đậu thai, đẻ non, sảy thai	LD-AB-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4022	Nova-Erycol	Erythromycin, Colistin, Dexamethasone,	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-95
4023	Nova-Doxycol	Doxycycline, Colistin, Dexa	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline và Colistin cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-96
4024	Nova-Enrocol	Enrofloxacin	Chai, lọ, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Đặc trị tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng trên heo con, chó, mèo, dê, cừu con, bê, nghé	LD-AB-97
4025	Nova-Coligen	Colistin, Gentamycin, Prednisolone	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị thương hàn, tiêu chảy phân xanh, phù đầu, viêm phổi, THT, trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-AB-98
4026	Nova-Tiasone	Tiamulin, Dexa, Oxytetracycline, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-99
4027	Nova-Thiasul	Thiamphenicol, Sulfadimethoxine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị TH, bạch lỵ, viêm phổi, viêm khớp, THT trên gia cầm; viêm phổi, tiêu chảy, sưng phù đầu trên heo, bê, nghé	LD-AB-100
4028	Nova-Tylosone	Thiamphenicol, Tylosine, Prednisolone, Bromhexine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol và Tylosine cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	LD-AB-101
4029	Nitronil	Nitroxinil, Propylene glycol	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tẩy sán lá gan, giun xoăn, giun móc, giun kết hạt trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa	LD-AB-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4030	Nova-Tylomix	Tylosin, Bromhexine Sulfadimidine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-104
4031	Nova-Lincodox	Doxycycline,Lincomycine, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-105
4032	Nova-Spiracol	Spiramycin, Colistin, Bromhexine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, THT, nhiễm trùng vết thương trên heo, bê, nghé, dê, cừu non	LD-AB-108
4033	Nova-Fer + Tylogen	Iron, Gentamycin, Tylosin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt kết hợp với tiêu chảy hoặc viêm phổi trên heo	LD-AB-109
4034	Nova-CRD	Tylosin, Dexa; Trimethoprim, Bromhexine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 300; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Điều trị bệnh đường hô hấp trên heo, trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	LD-AB-110
4035	Nova-Anti CRD	Tylosin, Amoxicillin, Bromhexine, Paracetamol, Dexa	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 300; 500g; 1; 2; 5; 10; 25kg	Trị bệnh CRD, CRD ghép E.coli, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, viêm khớp, tụ huyết trùng, viêm ruột trên gia cầm	LD-AB-111
4036	Nova-Gentabactrim	Gentamycin, Sulfadimidine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, bạch lỵ trên gia súc, gia cầm	LD-AB-112
4037	Nova-Tylogen	Tylosin, Gentamycin, P. chloride, S. chloride.	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột trên gia súc, gia cầm	LD-AB-113

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4038	Nova-Cocci	Sulfachloropyridazine, Diaveridine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gà, thỏ, heo con, bê, nghé	LD-AB-114
4039	Nova-Spirasul	Spiramycine, Sulfadimidine, Bromhexine,	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	LD-AB-115
4040	Nova-Ampisul	Ampicilline, Sulfachloropyridazine	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên heo, gà, vịt, cút	LD-AB-116
4041	Nova-Quinococ	Pyrimethamine, Sulfaquinoxaline, Vitamin K3	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gà, thỏ, heo con, bê, nghé	LD-AB-117
4042	Nova-Trimecol	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Điều trị các bệnh viêm ruột trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	LD-AB-118
4043	Nova-Kanacol	Kanamycin, Colistin, Desamethasone,	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi cấp tính, viêm mắt, viêm khớp, đau móng, viêm ruột, thương hàn, viêm tử cung trên gia súc	LD-AB-119
4044	Nova-Septryl 24%	Sulfamethoxypyridazine, Trimethoprim	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, heo, chó mèo, gia cầm	LD-AB-126
4045	Nova-Fe + B12 20%	Sắt (Dextran complex), Vit B12	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên heo con	LD-AB-127

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4046	Nova-Amdecol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị sưng phù đầu, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT, thương hàn, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-128
4047	Nova Pen-Strep	Penicillin G Procain, Streptomycin sulfate	Lọ	1,65g	Trị THT, viêm phổi, viêm tử cung, khớp, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-129
4048	Nova-Penicillin	Penicillin G Procain, Penicillin G sodium	Lọ	3,7g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr (+) gây ra trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	LD-AB-130
4049	Nova-Ampi	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị viêm phổi, viêm vú, tử cung, viêm ruột tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-131
4050	Nova-Genmox	Gentamycin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Lọ	0,75g	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-132
4051	Nova-Marlox 25	Marbofloxacin	Ống, lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-133
4052	Nova-Anazine 20%	Dipyrone	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Hạ sốt, giảm đau, an thần trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-AB-135
4053	Nova-Dexa 20	Dexamethasone	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Kháng viêm	LD-AB-136
4054	Nova-Atropin	Atropin sulfate	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị đau bụng do co thắt ruột, khó thở do phế quản co thắt, trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	LD-AB-137

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4055	ADE-B.Complex inj	VitaminA, D3, E, B1, B2, B6, B12, Nicotinamid	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng trên trên trâu, bò, heo, chó, mèo	LD-AB-138
4056	Nova-Doxyl 10%	Doxycycline	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương, trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-139
4057	Nova-Gentylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, THT, viêm khớp, móng, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-140
4058	Nova-Hepa + B12	Sorbitol, Methionine, Vitamin B12, B6, B2	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Tăng khả năng tiết mật, tăng cường chức năng giải độc gan trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	LD-AB-141
4059	Nova-B.Complex C	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, Nicotinamid, Dexpanthenol	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin nhóm B và C, tăng cường sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-AB-142
4060	Nova-Colispec	Colistin sulfate, Spectinomycine	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, phân vàng, phân trắng, phân xanh, phân có máu trên heo con	LD-AB-143
4061	Nova-Coc 5%	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên heo con	LD-AB-144
4062	Nova-Colistop	Colistin, Gentamycin	Chai, lọ, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy phân trắng, phân vàng, trên heo con, bê, nghé, dê con, cừu con	LD-AB-145
4063	Nova-Gentasul	Gentamycin, Sulfamethoxazol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị viêm ruột tiêu chảy phân trắng, phân xanh, phân vàng, phân có máu trên heo con, bê, nghé, dê con, cừu con	LD-AB-146

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4064	Nova-B1 + B6 + B12	Vitamin B1, B6, B12	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị kém ăn, còi cọc, suy nhược cơ thể. Tăng sức đề kháng trong trường hợp stress hoặc mắc các bệnh nhiễm trùng	LD-AB-147
4065	Nova-Peni Strepto	Penicillin G Procain, Dihydro streptomycin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, Lepto, viêm tử cung, móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-149
4066	Nova-Vitamino Oral	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3, Folic acid, Nicotinamide, D-panthenol, Methionin, Tryptophan, Cysteine, Threonine, Isoleucine, Phenylalanine, Valine, Lysine, Leucine	Chai, lọ, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 5l	Nâng cao đề kháng, giúp mau hồi phục sau khi mắc bệnh. Chống còi cọc, suy nhược. Tăng khả năng sinh sản	LD-AB-150
4067	Nova-Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị THT, TH viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	LD-AB-151
4068	Nova Coli.Coli	Colistin Trimethoprim	Gói, túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng do vi VK nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim trên bê, nghé, heo, dê non, cừu non, gia cầm, thỏ	LD-AB-152
4069	Nova Ampi.col	Ampicillin, Colistin	Gói, túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm	LD-AB-153
4070	Nova-coc 2,5%	Toltrazuril	Chai	20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	LD-AB-154

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4071	Nova-Doxy 300WSP	Doxycycline	Gói, túi, hộp	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-155
4072	Nova-Amox LA	Amoxicillin trihydrate	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu, viêm da, viêm mô mềm trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo	LD-AB-156
4073	Nova-Flor 10%	Florfenicol	Chai, can	20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên gia cầm	LD-AB-157
4074	Nova-Genta.Amox	Gentamycine, Amoxicillin	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên ngựa, trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-158
4075	Nova-Linco Inj	Lincomycin	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	LD-AB-159
4076	Nova-Cefur	Ceftiofur	Ống, chai, lọ	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp trên heo	LD-AB-160
4077	Nova-Amox 50%	Amoxicillin	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng sinh dục - tiết niệu trên gia cầm, heo	LD-AB-161
4078	Nova-Sulfa-Linco premix	Lincomycin, Sulfamethazine	Gói, hộp, bao	50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Phòng và trị viêm phổi do Mycoplasma, lỵ, viêm ruột, viêm teo mũi trên heo	LD-AB-162
4079	Nova-D.O.C	Thiamphenicol, Oxytetracyclin.	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị PTH, THT, viêm phổi, viêm ruột, viêm đường sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, thối móng trên trâu, bò, heo, dê, chó, mèo, gia cầm	LD-AB-163

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4080	Nova-Colistin 80	Colistin sulfate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	LD-AB-164
4081	Nova-Amoxicol	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Hộp, túi, bao	10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, nhiễm trùng rốn trên heo, gia cầm	LD-AB-165
4082	Nova Neocoli	Neomycin sulfate, Colistin sulfate, Vit K, Vit D3	Hộp, túi, bao	10; 20; 30; 50; 100 200; 250; 500g; 1; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Neomycin trên gia cầm, thỏ, heo, bê nghé, dê con	LD-AB-166
4083	Nova-Florphenicol 2%	Florphenicol	Gói, hộp, túi	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn Actinobacillus pleuropneumociae, Pasteurella multocida, Hemophilus parasuis, Streptococcus suis, Mycoplasma hyopneumoniae trên heo	LD-AB-167
4084	Nova-Flor 40 LA	Florfenicol	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol như: Actinobacillus pleuroneumoniae, Pasteurella multocida, Mycoplasma hyopneumoniea	LD-AB-169
4085	Nova-Amcoli Fort	Ampicillin, Colistin sulfate	Gói, hộp, túi, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị CRD, C-CRD trên gia cầm; Trị tiêu chảy do E.coli, viêm phổi và hội chứng MMA trên heo	LD-AB-170
4086	Nova-Bromhexine	Bromhexine	Gói; Túi; Hộp; Bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Giảm ho, long đờm, hỗ trợ điều trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	LD-AB-171

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4087	Nova-Doxal	Florphenicol, Doxycyclin HCL	Ống; Lọ; chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, viêm tuyến vú, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não, sốt hậu sản, viêm tắt sữa do vi khuẩn gây ra trên trâu, bò, ngựa, dê, lợn, chó, mèo	LD-AB-172
4088	Nova-Doxine 500	Doxycycline HCl	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm	LD-AB-174
4089	Nova-Tulacin	Tulathromycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	LD-AB-175
4090	Nova-Apracin	Apramycin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 5; 10; 25kg	Trị viêm ruột ỉa chảy do vi khuẩn E. coli, Salmonella gây ra trên lợn, gia cầm	LD-AB-176
4091	Nova-Tilmicosin 250	Tilmicosin phosphate	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml 1; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	LD-AB-177
4092	Novasal Complex	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl phosphorus acid (Butaphosphan), Adenosin triphosphate, Cyanocobalamin, Vitamin B6	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Tăng cường biến dưỡng trên gia súc, gia cầm trong trường hợp kiệt sức, mệt mỏi, suy nhược, chậm lớn	LD-AB-178
4093	NOVA-ANTI COLI	Spectinomycin, Colistin sulfate	Ống, chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên dê, cừu, heo con	LD-AB-179

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4094	NOVA-TIA.DC	Tiamulin, Colistin	Ống, chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy trên trâu, bò, heo	LD-AB-180
4095	NOVA-CLAMOX	Amoxicilline trihydrate, Clavulanic acid	Ống, chai, can	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4; 10l	Trị viêm phổi cấp, THT, viêm ruột tiêu chảy, tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, sưng phù đầu trên trên trâu, bò, heo, chó, mèo	LD-AB-181
4096	Nova-Bactal	Cefquinome (as sulfate)	Ống, chai	2; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, nhiễm trùng da, thối móng, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-182
4097	CP Toltrazuril 5%	Toltrazuril	Ống, chai, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 2; 5; 10l	Trị cầu trùng trên bê nghé, dê non và lợn con	LD-AB-183
4098	Nova-Tilcomix 200	Tilmicosin (as phosphate)	Gói, hộp, túi, bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	LD-AB-184
4099	CP-Enrofloxacin 50%	Enrofloxacin	Gói, hộp, túi, bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, đường tiểu, tiết niệu, da trên heo, gia cầm	LD-AB-185
4100	CP-Norfloxacin 50%	Norfloxacin	Gói, hộp, túi, bao	50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm khớp, viêm đường sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu, viêm ruột tiêu chảy trên heo, gia cầm	LD-AB-186

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4101	NOVAZYME	B.subtilis, Sac. Cerevisiae, Amylase, lipase, protease, hemicellulase, acid amin, phospho, calcium, khoáng; vitamin B1, B2, B6, E, pantothenic acid, niacin, choline, folic acid và acid hữu cơ	Gói Túi Hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg 100; 200; 500g; 1kg 10kg; 25kg	Ổn định và cân bằng hệ vi sinh đường ruột, giúp phòng ngừa hữu hiệu các bệnh viêm ruột, tiêu chảy. Nâng cao khả năng tiêu hóa, phòng ngừa chứng tiêu phân sống, giúp thú mau lớn, tiết kiệm thức ăn	LD-AB-21
4102	NOVA-AMINOLYTES	Sodium bicarbonate, Potassium chloride, Sodium chloride, Calcium, Methionine	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 10kg; 25kg	Chống cắn mổ. Chống stress lúc tiêm phòng hoặc trời nắng nóng. Giải nhiệt và chống mất nước trong các bệnh sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-33
4103	NOVA-DEXTROLY-TES	Dextrose, potassium chloride, citric acid, sodium chloride	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg, 5kg, 100; 200; 500g; 1kg; 10kg; 25kg	Chống stress và cắn mổ lúc trời nắng nóng. Chống mất nước và mất chất điện giải trong các bệnh sốt cao, tiêu chảy	LD-AB-36
4104	NOVADINE 10%	Iodine	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Tiêu diệt virus, vi khuẩn, Mycoplasma, nấm mốc gây bệnh	LD-AB-40
4105	NOVACIDE	Glutaraldehyde, Dimethyl Alkylbenzyl C12-C14-C16 ammonium	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Có phổ diệt khuẩn rộng đối với virus, vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma, nấm mốc	LD-AB-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4106	NOVASEPT	Alkyldimethylbenzyl ammonium chloride, Didecyldimethylammoni-um chloride, Glutaraldehyde	Chai, lọ Can	30; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít 1; 2; 4; 10; 20 lít	Thuốc sát trùng đối với các loại mầm bệnh như virus, vi trùng, bào tử vi trùng, Mycoplasma, nấm mốc gây bệnh	LD-AB-41
4107	Nova-Acilac	Acid Lactic, L-acid Tartric, acid malic, Orthophosphoric acid, acid citric; Enzyme tiêu hóa: Amylase, Protease, Lipase, Hemicellulase, Glucanase; Chất khoáng; Vitamin	Gói Túi, hộp Bao	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1kg; 5kg 100; 200; 500g, 1; 10kg; 25kg	Nâng cao tỷ lệ tiêu hóa hấp thu dinh dưỡng; tiêu diệt vi trùng gây bệnh đường ruột; phòng ngừa các bệnh về đường tiêu hóa	LD-AB-71
4108	Nova-Calcium-D	Calci gluconate, Calci glucohepatonat, Calci D-saccharate, Vit B12	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Cung cấp calcium, điều trị kịp thời và hiệu quả bệnh do thiếu Calcium xảy ra trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa, chó, mèo	LD-AB-80
4109	Nova-Elecject	Dextrose monohydrate, Sorbitol, Sodium lactase, Sodium chloride, Potassium chloride, Mg chloride, Ca.chloride, Chloride	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1l	Điều trị mất nước, thiếu năng lượng và mất chất điện giải trong trường hợp sốt cao. Tiêu chảy kéo dài, ói mửa, các trường hợp giảm huyết áp do Shock, ngộ độc cấp tính, mất máu	LD-AB-90
4110	Dinospray	PVP Iodine	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 4l	Khử trùng vết thương, vết thiến, vết mổ	LD-AB-107

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4111	Nova-Yellow shampoo	D-Pantanol, Vitamin E, B_6, Biotin, Zinc	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1l	Khử mùi, sạch lông, chống rụng lông, dưỡng da trên chó, mèo	LD-AB-120
4112	Nova-Green shampoo	Permethrin	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1l	Trị ve, rận, bọ chét trên chó, mèo	LD-AB-121
4113	Nova-Pink shampoo	Amitraz, Ketoconazole	Chai, lọ	50; 100; 300; 500ml; 1l	Phòng và trị ghẻ, bọ chét kết hợp với nấm da trên chó, mèo	LD-AB-122
4114	Nova-Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	LD-AB-134
4115	Nova-MC.A30	Didecyl dimethyl ammonium chloride, Protectol, Edetate	Ống, lọ, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1; 2; 5; 10; 25l	Khử trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng lò mổ, khử trùng nước	LD-AB-148
4116	Nova-Oxolinic 20%	Oxolinic acid	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh do E.coli gây ra	LD-AB-187
4117	Nova-Tydoxin	Tylosin tartrate; Doxycycline HCl	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, heo, gia cầm	LD-AB-188
4118	Nova-Gentadox	Gentamycin sulfate; Doxycycline HCl	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-AB-189
4119	Nova-Avicoc	Sulfadimidine sodium; Diaveridin HCl	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị cầu trùng	LD-AB-190
4120	Nova-Diflor	Difloxacin (as Hydrochloride)	Chai, can	50; 100; 300; 500ml; 1; 4 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	LD-AB-191
4121	CP-Nova-Amcoli	Ampicillin (as trihydrate); Colistin sulfate	Ống, chai	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên bò, heo, dê, chó, mèo	LD-AB-192

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4122	Nova-Amoxicol Inj	Amoxicilline Trihydrate; Colistin Sulfate	Ống, chai	2; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, niệu sinh dục trên bò, heo	LD-AB-193
4123	NOVA-PROFEN	Ketoprofen	Chai, lọ, ống	2, 10, 20, 50, 100, 300, 500ml	Hạ sốt, giảm đau, kháng viêm trong các trường hợp viêm cơ bắp, viêm khớp, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm vú, đau móng do nhiễm trùng trên gia súc	LD-AB-194
4124	NOVA-AMPI.COLI	Ampicilline tryhydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Phòng và trị các bệnh CRD, C-CRD, các bệnh nhiễm khuẩn do Coryza, Fowl cholera, Staphylococcosis và Colibacilosis trên gia cầm và các bệnh tiêu chảy do E.coli, viêm phổi, hội chứng MMA trên heo	LD-AB-195
4125	NOVA-AMOX 300 WSP	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Trị viêm phổi do Pasteurella, Haemophillus, Streptococcus, viêm teo mũi truyền nhiễm, thương hàn, tiêu chảy phân trắng, phân vàng cho gia súc và viêm đường hô hấp tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy cho gia cầm	LD-AB-196
4126	NOVA-ENRO 300 WSP	Enrofloxacin HCl	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Điều trị các bệnh CRD, sưng phù đầu do E.coli; Mycoplasma, viêm ruột tiêu chảy, viêm rốn, bạch lỵ, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm và các bệnh viêm phổi do Mycoplasma, Tụ huyết trùng, viêm ruột ỉa chảy do E.Coli, thương hàn trên gia súc non	LD-AB-197

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4127	Nova-Diflox.100	Difloxacin	Chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò; trị nhiễm khuẩn tiết niệu trên chó	LD-AB-198
4128	Nova-Dexa LA	Dexamethasone	Chai	10; 20; 30; 50; 100 300; 500ml	Kháng viêm trong bệnh nhiễm trùng và chống dị ứng trên gia súc, chó, mèo	LD-AB-199
4129	Nova-Doxflor	Flofenicol, Doxycycline	Chai	10; 20; 30; 50; 100 300; 500ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm ruột, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-AB-200
4130	Nova-Danocin	Danofloxacin	Chai	10; 20; 30; 50; 100 300; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	LD-AB-201
4131	NOVA-Melocam	Meloxicam	Chai	10; 20; 30; 50; 100 300; 500ml	Kháng viêm, giảm đau trong các bệnh nhiễm trùng hô hấp cấp tính, tiêu chảy, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	LD-AB-202
4132	NOVA-Linco.SP	Spiramycin, Lincomycin	Chai	10; 20; 30; 50; 100 300; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, viêm thận, viêm khớp, vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	LD-AB-203
4133	NOVA-Tylosin 30% LA	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 30; 50; 100 300; 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, bệnh lỵ, viêm bàng quang, nhiễm trùng vết thương trên gia súc, gia cầm	LD-AB-204
4134	Nova-Tetra Egg	Oxytetracyclin HCl, Vitamin A, D3, E, K, B2, B12, D- Calcium pantothenate, Nicotinic acid, DL-Methionine, L-Lysine	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm Oxytetracycline trên gia súc, gia cầm	LD-AB-205

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4135	Nova-Covit	Oxytetracycline HCL, Colistin sulfate, Vitamin A, D3, K3, E, B2, B12, PP, Calcium pantothenate, Dl-methionine, Lysine	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp mãn tính, viêm dạ dày ruột trên gia súc, gia cầm	LD-AB-206
4136	Nova-Trị tiêu chảy	Neomycin Sulfate, Colistin Sulfate, Vitamin K, D3	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Phòng trị các bệnh đường tiêu hóa do các vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistin gây ra trên gia cầm, thỏ, gia súc non	LD-AB-207
4137	Nova-Flumix	Flumequine	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp; tiêu hóa do các vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên bê, lợn, cừu và gia cầm	LD-AB-208
4138	Nova-Amcolis	Ampicilline tryhydrate, Colistin sulfate	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Gia cầm: trị các bệnh CRD, C-CRD. Các bệnh nhiễm khuẩn do Coryza, Fowl cholera, Staphylococcosis và Colibacilosis	LD-AB-209
4139	Nova-Tylocotin 350	Tylosin, Colistin	Ống, chai, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100mL	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp do các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Colistin gây ra trên gia súc	LD-AB-210
4140	Cloxamas	Ampicillin Cloxacillin	Ống, chai, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100mL	Trị viêm vú trên gia súc	LD-AB-211
4141	Masticef	Ceftiofur (as hydrochloride)	Ống, chai, lọ	10, 20, 50, 100, 500ml; 1L	Trị viêm vú trên bò sữa	LD-AB-212

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4142	Cp-Vitamin C 10%	Vitamin C	Gói; Hộp; Bao	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg; 10kg, 20kg, 25kg	- Phòng ngừa hoặc điều trị thiếu hụt vitamin C trong vật nuôi	LD-AB-213
4143	Nova-Bactal La	Cefquinome (as Sulfate)	Ống, chai, lọ	5ml, 10, 20, 50, 100ml, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	LD-AB-214

33. CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4144	A-T 101 Vitamin E	Vitamin E	Gói Xô Bao	100g; 1kg 2,5kg; 5kg,7,5kg 10kg; 25kg	Chống thoái hóa cơ, nâng cao khả năng sinh sản cho gia súc, gia cầm	BAS-20
4145	A-T 104 Vitamin ADE	Vitamin A; D; E	Gói Xô, bao	100g; 1kg 2,5; 5,7,5,10kg; 5kg	Tăng tỷ lệ thụ thai ở heo tăng năng suất đẻ trứng	BAS-22
4146	A-T 105 Biotin	Biotin	Gói, xô Bao	100g; 1,2,5; 5,7,5kg 10kg; 25kg	Phòng và trị bệnh nứt loét móng và da hóa sừng ở heo	BAS-23
4147	A-T 110 Electrolytes Water Soluble	Citric acid; Sodium chloride; Sodium bicarbonate; Potassium chloride	Gói Xô; Thùng	100g; 250g 500g; 1kg; 2,5kg; 5kg; 7,5kg; 10kg; 25kg	Phòng và trị các trường hợp mất nước gây ra bởi các bệnh đường ruột	BAS-62
4148	A-T 111 Vitamin C Antistress	Vitamin C; Citric acid	Gói; Xô; Thùng	100; 250g; 500g; 1kg 2,5; 5; 10; 25kg	Chống stress cho gia súc	BAS-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4149	A-T 112 Multivitamin Water Soluble	Vitamin A; D3; E; K3; B1; B2; B6; B12; H2; Niacin; Calpan	Gói Xô Thùng	100g; 250g 500g; 1kg 2,5; 5; 10kg; 25kg	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, giảm stress	BAS-64
4150	A-T 206 Tylo-Sulfa-C	Tylosin; Sulphadimidine; Vit C	Gói	100g; 1; 5; 10; 25kg	Phòng, trị bệnh do khuẩn gr (-), gr (+), Mycoplasma	BAS-70
4151	Saigo-Nox 10 New	Kitasamycin, Sulfadimidin	Gói Xô Bao	10, 20, 100, 400, 500g; 1kg; 2.5, 5, 7.5kg 10kg, 25kg	Phòng và trị tiêu chảy cho heo, gà, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn	BAS-79
4152	Saigo-Nox 100 New	Kitasamycin, Sulfadimidin	Gói Xô Bao	10, 20, 100, 400, 500g; 1kg; 2.5kg, 5kg, 7.5kg, 10kg, 25kg	Phòng và trị tiêu chảy cho heo, gà, tăng khả năng chuyển hóa thức ăn	BAS-80
4153	Saigo-Nox Poultry	Kitasamycin tartrate, Thiamphenicol	Gói Xô Bao	20, 100; 200; 400; 500g; 1kg; 2,5; 5; 7,5kg 10; 25kg	Phòng CRD, Coryza, viêm ruột tiêu chảy do E.coli và Salmonella ở gia cầm	BAS-84
4154	Mycosal	Kitasamycin base	Bao Xô Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-87
4155	Mycosal S	Kitasamycin tartrate	Bao Xô, bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1; 2,5; 5; 7.5kg; 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-88

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4156	Colisal	Thiamphenicol	Bao Xô; Bao	100g, 200g, 400g, 500g, 1kg 2, 5kg; 5kg; 7.5kg 10kg; 25kg	Phòng ngừa bệnh CRD, Coryza, E.Coli, Samonella ở gia cầm. Phòng ngừa bệnh viêm phổi trên heo	BAS-89
4157	Tetravit E	Chlortetracycline	Bao; Xô	1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột trên trâu, bò, heo, gà	BAS-93
4158	BaFlor 4%	Florfenicol	Bao	25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	BAS-94

34. CÔNG TY TNHH TM VÀ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y MINH DŨNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4159	MD Sone	Thiamphenicol, Prednisolone	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Đặc trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, thối móng, viêm đường tiết niệu, hội chứng MMA trên chó, mèo	HCM-X21-01
4160	MD B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin B12, trị thiếu máu do suy dinh dưỡng, nhiễm ký sinh trùng	HCM-X21-02
4161	MD B.Complex	Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}; D.Panthenol; Nicotinamide	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Bổ sung vitamin nhóm B, tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống nhiễm trùng. Kích thích tiêu hóa tốt, tăng trọng nhanh mau hồi phục sau khi mắc bệnh	HCM-X21-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4162	MD $B_1B_6B_{12}$	Vit B_1, B_6, B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh thiếu máu, suy nhược, biếng ăn, bại liệt, viêm dây thần kinh, tăng sức đề kháng	HCM-X21-04
4163	MD-C 1000	Ascorbic acid	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị chứng suy nhược, xuất huyết, chảy máu cam, hoại huyết, sốt cao, trúng độc, stress, tăng sức đề kháng	HCM-X21-05
4164	MD Calcium	Calcium gluconate; Boric acid	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các trường hợp sốt sữa, bại liệt trước và sau khi sinh, còi xương, xốp xương	HCM-X21-06
4165	MD Selen-E	Vitamin E; Sodium Selenite	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh cơ trắng, teo cơ, thoái hóa cơ tim, tăng cường khả năng sinh sản, tăng tỷ lệ thụ thai	HCM-X21-07
4166	MD Sorbitol + B_{12}	Sorbitol; Methionine; Vit B_2, B_6, B_{12}	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Tăng cường chức năng giải độc của gan, tăng tiết mật, kích thích tiêu hóa, chống táo bón, kích thích tạo máu	HCM-X21-08
4167	MD Fer 10%	Iron; Dextran	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt, thiếu máu do nhiễm trùng, KST, hoặc do mất máu	HCM-X21-09
4168	MD Fer + B_{12}	Iron; Dextran; Vit B12	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt, nhiễm trùng, ký sinh trùng, mất máu, kích thích tăng trưởng nhanh	HCM-X21-10
4169	MD Fer + Tylogen	Iron; Tylosin; Gentamysin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị thiếu máu do thiếu sắt, nhiễm trùng, thiếu máu kết hợp viêm ruột tiêu chảy và viêm phổi	HCM-X21-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4170	MD Leva 100	Levamisole	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh ký sinh trùng: giun đũa, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc, giun dạ dày	HCM-X21-12
4171	MD Analgin	Analgine	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress	HCM-X21-13
4172	MD Analgin-C	Analgin; Vitamin C	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Hạ sốt, giảm đau, an thần, kháng viêm, chống stress, tăng sức đề kháng, chống xuất huyết, chảy máu cam	HCM-X21-14
4173	MD Bromhexine	Bromhexine HCl	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản, giảm tiết dịch	HCM-X21-15
4174	MD DEXA	Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Chống viêm do nhiễm trùng hoặc không nhiễm trùng, chống dị ứng, giảm đau, tăng phân giải glucose chống stress	HCM-X21-16
4175	MD Atropine	Atropine sulfate	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Chống co thắt ruột, khí quản, phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau, giải độc trong các trường hợp ngộ độc Dipterex, Pilocarpin	HCM-X21-17
4176	MD Divermectine	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng: Cái ghẻ, chí rận, giun đũa, giun phổi, giun thận	HCM-X21-18
4177	MD Tylosin 100	Tylosine tartrate	Ống, lọ, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD, viêm khớp	HCM-X21-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4178	MD Genta 100	Gentamycin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, E.Coli, phó thương hàn, viêm phổi, tụ huyết trùng, bệnh đường sinh dục, tiết niệu	HCM-X21-20
4179	MD Colistin	Colistin sulfate	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phù thũng do E.coli, thương hàn	HCM-X21-21
4180	MD Enro 50	Enrofloxacin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1 lít	Điều trị các bệnh nhiễm trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, phù thủng, viêm phổi, tiêu chảy, viêm khớp	HCM-X21-22
4181	MD Nor 100	Norfloxacin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, E.coli, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-23
4182	MD DOC SONE	Oxytetracycline, Colistin, Dexamethasone, Magnesium chloride	Chai, lọ	1,2,5,10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp, thối móng, viêm đường tiết niệu	HCM-X21-24
4183	MD Marbocine 200	Marbofloxacine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X21-25
4184	MD Tiacolistin	Tiamulin; Colistin; Bromhexine HCl	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh hồng lỵ ở heo, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, CRD kết hợp E.coli, viêm khớp	HCM-X21-26
4185	MD Septryl 240	Trimethoprim; Sulfamethoxi-pyridazine	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4186	MD Tylocosone	Tylosin; Colistin; Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1 lít	Điều trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, phân trắng, thương hàn	HCM-X21-28
4187	MD Coli-Spira	Colistin; Spiramycine; Bromhexine	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm phổi, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-29
4188	MD Lincospec	Lincomycin; Spectinomycin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1 lít	Điều trị tiêu chảy hồng ly, viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X21-31
4189	MD Tylogenta	Tylosin; Gentamycin	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Trị viêm phổi, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-32
4190	MD K.N.CD	Kanamycine; Neomycine	Ống, lọ, chai	2; 5ml; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, THT, phó thương hàn	HCM-X21-33
4191	MD Peni 1T	Peniciline G procaine; Peniciline G sodium	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram+, viêm nhiễm trùng da, bệnh đóng dấu	HCM-X21-34
4192	MD Peni 4T	Peniciline G procaine; Peniciline G sodium	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gram+, viêm nhiễm trùng da, đóng dấu son	HCM-X21-35
4193	MD Streptomycine	Streptomycin sulfate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, bệnh Lepto, viêm vú, viêm thận	HCM-X21-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4194	MD Amoxiciline	Amoxicilin trihydrate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), viêm vú, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X21-37
4195	MD Ampi	Ampiciline sodium	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), viêm vú, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X21-38
4196	MD Amkana	Ampicillin; Kanamysin	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Điều trị viêm phổi, THT, viêm ruột tiêu chảy ra máu, viêm vú, viêm tử cung	HCM-X21-39
4197	MD Peni-Strep	Peniciline G sodium; Kanamycin sulfate	Lọ, chai	10; 20; 50; 100ml; 250; 500; 1000ml	Trị THT, bệnh dấu son, viêm phổi, viêm tử cung, bệnh Lepto, viêm khớp	HCM-X21-40
4198	MD ANALGIN C	Analgin, Kali clorid, Vitamin C, Natri clorid	Gói, bao	5g, 10g, 20g, 30g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Hạ sốt, chống mất nước, mất chất điện giải	HCM-X21-42
4199	MD LEVASOL	Levamisol	Gói, bao	5, 10, 20, 30gr, 50; 100gr, 200gr, 500gr, 1kg, 10kg	Chuyên sổ các loại giun cho heo con, trâu, bò, dê, cừu: giun đũa, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ...	HCM-X21-44
4200	MD E.COLI	Spiramycin, Sulfadiazine, Bromhexine, Vit C	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Sưng phù đầu, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, phó thương hàn, viêm phổi	HCM-X21-46
4201	MD SEPTRYL 48%	Trimethoprime, S. methoxypyridazine	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100, 250, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Trị tiêu chảy phân trắng ở gà vịt, heo con, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm khớp, viêm vú	HCM-X21-47
4202	MD SPIRAMYCIN 1000	Spiramycin, Bromhexine	Chai, lọ	1, 2, 5, 10; 20; 50; 100ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Chuyên trị viêm phổi, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, đau móng, thối móng	HCM-X21-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4203	MD ENRO 10%	Enrofloxacine	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	CRD, thương hàn, THT, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, tiêu chảy do E.coli, samonella, viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X21-52
4204	MD NORFLOX 200	Norfloxacin	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, CRD, tụ huyết trùng, viêm ruột...	HCM-X21-53
4205	MD FLUM 20%	Flumequine; Vit A, C, B_1, B_6	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn trên gia súc, gia cầm	HCM-X21-55
4206	MD ENRO ORAL	Enrofloxacine	Lọ, chai	10, 20, 30, 50, 60cc, 100cc, 250cc, 500cc, 1l, 2l, 4l, 5l	Trị CRD, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli, viêm xoang mũi, tiêu chảy do E.coli, samonella, viêm phổi	HCM-X21-56
4207	MD DEXA 100	Dexamethasone	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Chống dị ứng, chống viêm trong các trường hợp nhiễm trùng hoặc viêm không do nhiễm trùng	HCM-X21-58
4208	MD LEVA 75	Levamisole	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Điều trị giun đũa, giun đường ruột, giun tóc, giun kết hạt, giun dạ dày, giun phổi, giun thận	HCM-X21-60
4209	MD SPIRACOLI	Spiramycin, Colistin Bromhexine, Vitamin C, E	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp cho gia cầm, CRD, E.coli, viêm xoang mũi, viêm phổi, sưng phù đầu	HCM-X21-62
4210	MD VITAMIN K	Menadione sodium, Bisulphite	Bao, gói	5, 10, 50, 100g, 250g, 5005, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Tăng hoạt tính của Prothrombin làm mau đông máu, chống xuất huyết, cầm máu nhanh, sử dụng trước khi phẫu thuật	HCM-X21-63

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4211	MD GLUCOZA 5%	Dextrose	Chai, lo, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Giúp bù lại nước và cung cấp thêm năng lượng, giúp giải độc cơ thể	HCM-X21-65
4212	MD B1 + B2 + B6	Vitamin B1, B2, B6, Niacinamide	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Bổ sung Vit nhóm B, tăng sức đề kháng, ngăn ngừa stress, chống nhiễm trùng	HCM-X21-71
4213	MD ENDOCOLI 120	Vitamin B1, B2, B6, Niacinamide, Bromhexine	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Dùng pha thuốc bột MD ENDOCOLI 120	HCM-X21-72
4214	MD Ampicoli plus	Ampicilin; Colistin; VitA, C, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 390g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, phù thủng do E. coli, phó thương hàn, viêm phổi, viêm xoang, viêm khớp, viêm rốn	HCM-X22-01
4215	MD Anvicoc	Sulfadimidine sodium; Diaveridine; Vit A, K_3	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị hữu hiệu các loại cầu trùng, bảo vệ niêm mạc ruột, chống xuất huyết	HCM-X22-02
4216	MD Cefalexin 10%	Cephalexin; Paracetamol; Bromhexine HCl	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, viêm xoang mũi, CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng	HCM-X22-03
4217	MD Chlortetracycline 200	Chlortetracycline	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng trên heo, gà, vịt	HCM-X22-04
4218	MD Norfloxacin 200	Norfloxacin	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X22-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4219	MD Colistin 200	Colistin sulfate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, heo, cừu, thỏ, gà, vịt	HCM-X22-06
4220	MD Colfalexin	Cephalexin; Colistin Sulfate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột và hô hấp, viêm xoang mũi, sưng phù đầu do E.coli	HCM-X22-07
4221	MD-CRD Spect	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X22-08
4222	MD Colineocin	Colistin sulfate; Neomycin sulfate; Vit A, D_3	Gói, bao	1; 5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, bệnh bạch lỵ, viêm rốn, bệnh phù thũng, phó thương hàn	HCM-X22-09
4223	MD Colivit	Colistin; Potasium; Sodium chloride, Vit A, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, phù thũng do E.coli	HCM-X22-10
4224	MD CRD Vit	Oxytetracyline; Spiramycine; Bromhexine; Vit A, C, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, CRD, CRD kết hợp E.coli, viêm xoang mũi trên gà, vịt, cút, giúp phục hồi bệnh nhanh	HCM-X22-11
4225	MD Acotin 3315	Amoxycillin, Colistin	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-12
4226	MD Flum 100	Flumequine; Vit A, C, B_1, B_6	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và điều trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp của gia cầm	HCM-X22-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4227	MD Gencotrim	Gentamycin; Trimethoprim; Niacin	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị viêm xoang mũi, tụ huyết trùng, viêm ruột do E.coli, phó thương hàn, viêm rốn	HCM-X22-14
4228	MD Kanacolis	Kanamycine, Colistin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bò. Nhiễm trùng tiết niệu trên chó, mèo	HCM-X22-16
4229	MD Spectinomycine 200	Spectinomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	HCM-X22-17
4230	MD Biotin Calcium	Vit A, D_3; Biotin; Calcium Pantothenate; Calcium gluconate;	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các trường hợp bại liệt trước và sau khi sinh, còi xương, xốp xương	HCM-X22-18
4231	MD ADE-C	Vit A, C, D_3, E	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Nâng cao sức đề kháng, kích thích sinh trưởng nhanh, tăng khả năng sinh sản	HCM-X22-19
4232	MD Vita Electrolytes	Vit A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, K_3; Potassium, Sodium chloride, Folic acid, Biotin, Niacin, Sodium bicarbonate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp Vitamin và chất điện giải, tăng sức kháng bệnh, chống mất nước trong trường hợp tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng bức, thay đổi chuồng trại	HCM-X22-20
4233	MD Electrolytes	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Dextrose; Potassium Chloride	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp chất điện giải trong các trường hợp bị mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng, chống stress khi có sự thay đổi môi trường	HCM-X22-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4234	MD Biolaczym	Bacillus sustilis	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị bệnh đường ruột do vi khuẩn E.coli, Salmonella, Clostridium, giúp tiêu hóa thức ăn, ngừa rối loạn tiêu hóa, loạn khuẩn do sử dụng kháng sinh	HCM-X22-23
4235	MD Selen E	Vit E; Sodium Selenite	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các bệnh cơ trắng, teo cơ, thoái hóa cơ tim, tăng cường khả năng sinh sản, tăng tỉ lệ thụ thai	HCM-X22-24
4236	MD Vitamin C 5%	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị suy nhược cơ thể, chảy máu cam, hoại huyết, chống stress khi vận chuyển	HCM-X22-25
4237	MD Vita C Premix	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị chứng suy nhược, xuất huyết, hoại huyết, sốt cao, stress, tăng sức đề kháng	HCM-X22-26
4238	MD Anti Stress	Sodium bicarbonate; Sodium chloride; Calcium gluconate; Potasium chloride; Magnesium-sulfate; Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Chống stress, tăng sức đề kháng, chống mất nước, mất chất điện giải, giải nhiệt trong các trường hợp nóng bức, thay đổi môi trường	HCM-X22-27
4239	MD Vitacalcium	Vit A, D_3, E; Biotin; Photpho; Canxi; Kẽm	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Bổ sung photpho; canxi, phòng nứt móng, rụng lông, da hóa sừng, còi xương, xốp xương, vỏ trứng mỏng, kích thích lột vỏ	HCM-X22-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4240	MD Super Egg	Vit A, B_1, B_2, B_6, B12, D3, E, C, K_3; Lysin; Methionin; Niacin; Oxytetra; Calcium-Pantothenate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ vitamin và các acid amin cho gà, vịt, cút đẻ, giúp tăng tỷ lệ đẻ trứng, ngừa các bệnh đường sinh sản	HCM-X22-29
4241	MD Amino-C Vit	Vit C; Methionin; Lysin	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Nâng cao sức đề kháng, chống stress. Phục hồi nhanh sau khi bệnh	HCM-X22-32
4242	MD Vita C Soluble	Vit C	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị suy nhược, hoại huyết, sốt cao, tăng sức kháng bệnh, chống stress do vận chuyển, tiêm phòng, thay đổi thời tiết	HCM-X22-33
4243	MD Aminolyte	Lysin; Calcium Gluconate; Methionin; Sodium-Bicarbonate; Sodium-Chloride; Dextrose; Potassium Chloride	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Điều trị các trường hợp mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng. Chống stress do thay đổi thời tiết, chuyển chuồng, thay đổi thức ăn	HCM-X22-34
4244	MD Vitalyte	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, C, D_3, E, K_3; Phosphate Chloride; Carbonate	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy, sốt cao, thời tiết nóng, nâng cao sức đề kháng, chống stress	HCM-X22-35
4245	MD Spiratylocol	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, E; Niacin; Piramycin; Tylosin	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh đường hô hấp, viêm rốn, nhiễm E.coli trên gà, vịt, cút mới nở, giảm tỷ lệ tử vong trong giai đoạn úm. Nâng cao sức đề kháng	HCM-X22-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4246	MD ADEC Complex	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, E; Folic acid	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, kích thích tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng	HCM-X22-37
4247	MD Super Calcivit	Vit A, B_5, B_6, D_3; Biotin; Kẽm; canxi photphat	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Bổ sung calcium hòa tan ngừa bệnh còi cọc, đau móng, yếu chân, vỏ trứng mỏng, kích thích tăng trưởng nhanh	HCM-X22-40
4248	MD Bacilac Plus	Bacillus; Organic acid; Vit A, D_3	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường ruột: E.coli, Salmonella, Clostridium, rối loạn đường ruột	HCM-X22-41
4249	MD LACTIC	Acid lactic, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, Folic acid	Gói, bao	5g, 10g, 20g, 30g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Cung cấp vitamin tổng hợp, giúp tăng sức kháng bệnh, hạ độ pH đường ruột, tăng khả năng hấp thụ thức ăn	HCM-X22-49
4250	MD B.COMPLEX ADEC	Vit A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, C, E; Folic acid	Gói, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin, kích thích tăng trọng nhanh, tăng sức đề kháng	HCM-X22-50
4251	MD ANTIGUMBORO	A, D3, E, C, B1, B6, Niacine, K3, Biotine, B12, Lysine	Gói, bao	5gr, 10gr, 20gr, 30gr, 50gr, 100gr, 250gr, 400gr, 500gr, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Tăng cường sức đề kháng cho gà, cung cấp vitamin và chất điện giải Axitamin giúp ngăn ngừa và điều trị bệnh Gumboro tốt	HCM-X22-51
4252	MD SOBITOL+ B_{12}	Sobitol, Vitamin B_{12}, L-Lysin, DL-Methionine	Gói, bao	5gr, 10gr, 20gr, 30gr, 50gr, 100gr, 250gr, 400gr, 500gr, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Giúp tiết mật tốt ở gia súc, gia cầm, kích thích thèm ăn, trị chứng khó tiêu, táo bón phân sống nâng hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM-X22-52

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4253	MD PHEXID	Phenol	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Điều trị các chứng lở loét ngoài da, viêm móng, nứt móng, thối móng, da hóa sừng	HCM-X22-53
4254	MD DIODINE	P.V.P Iodine	Chai, lọ, can	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Khử trùng nguồn nước uống, sát trùng vết thương, sát trùng chuồng trại...	HCM-X22-55
4255	MD DOC SONE MOST	Oxytetracycline, Thiamphenicol Dexamethasone,	Chai, lọ	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1 lít	Chuyên trị các bệnh viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng...	HCM-X22-73
4256	MD Tylo 200	Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên heo	HCM-X22-77
4257	MD Tiamulin 100	Tiamulin hydrogen fumarate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh lỵ, viêm phổi địa phương, viêm khớp trên heo	HCM-X22-78
4258	MD COLIMYCIN	Colistin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Trị viêm ruột, viêm dạ dày ruột, phù thủng ở heo con, tiêu chảy, viêm phổi, viêm thận, viêm tử cung, viêm bàng quang, viêm khớp	HCM-X22-79
4259	MD-Sulfacoc 33	Tylosin, Sulfaquinoxalin	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g; 5kg; 10kg	Phòng trị các bệnh cầu trùng ở gà, vịt, cút, ngan, thỏ; bệnh đường tiêu hóa	HCM-X22-81
4260	MD TYLO 300 + COLISTIN	Tylosin, Colistin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, phân vàng, tiêu ra máu, bệnh phù thũng, sưng phù đầu, viêm phổi, viêm đường tiết niệu, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp,.	HCM-X22-84

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4261	MD AMOX-GENTA	Gentamycin, Amoxicilline	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bệnh viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng vết thương, nhiễm trùng máu, viêm khớp	HCM-X22-90
4262	MD Losulfamid 444	Chlortetracyclin, Sulfamethoxypyridazin	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Chlortetracyclin, S.methoxypyridazin gây ra trên heo, bê, cừu	HCM-X22-96
4263	MD Spiratico	Spiramycin Adipate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị sưng phù đầu, THT, viêm hô hấp mãn tính, CRD, C-CRD, viêm khớp gây liệt, viêm ruột tiêu chảy, viêm tử cung	HCM-X22-98
4264	MD-Linco 100	Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị viêm ruột, nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng ngoài da, viêm xoang mũi, viêm vú, viêm tử cung, suyễn, sưng phù đầu vịt	HCM-X22-100
4265	MD Florfenicol	Florfenicol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên trâu, bò	HCM-X22-104
4266	MD-Tylan 100	Tylosin tatrate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm xoang mũi, CRD, viêm khớp, thối móng, viêm vú, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu	HCM-X22-111
4267	MD Analdexa-C	Anagil, Vitamin C, Dexamethasone,	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt, trị cảm cúm	HCM-X22-113

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4268	MD-Calcimost + B12	Calcium, Boric acid, Vitamin B12	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng, trị bệnh do thiếu Calcium, xuất huyết, co giật, bại liệt	HCM-X22-114
4269	MD Redmin	Vitamin A, D3, E, K3, B2, B6, B12, D.Panthenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin	HCM-X22-115
4270	MD Prozyme	Bacillus subtilis, Saccharomyces	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh tiêu chảy, tăng sức đề kháng	HCM-X22-116
4271	MD Polyvitamin	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, Nicotine amid, D.Panthenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5; 10 lít	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X22-117
4272	MD Super feed	Calcium, phosphorous, methionine, $CuSO_4$, $FeSO_4$, Vitamin A, Protein, L-Lysin	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Chống còi cọc, mau lớn, ngăn ngừa các chứng tiêu chảy	HCM-X22-118
4273	MD Catamin	2-Amino-4-(methylthio) butyric acid, Vitamin B12	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Giúp phục hồi nhanh sau bệnh, chống suy nhược, còi cọc, bại liệt, kém ăn, chống thiếu máu, chống rối loạn dinh dưỡng, chống co giật, liệt	HCM-X22-143
4274	MD B.Complex + C	Vitamin B1, B2, B6, B12, Nicotinamide, Vitamin C	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Bổ sung vitamin nhóm B, tăng cường sức đề kháng, chống Stress, chống nhiễm trùng, kích thích tiêu hóa	HCM-X22-144
4275	MD Biofat	B.subtilis, Lysin, Methionine, S.cerevisiae.	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1kg; 5; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, sưng phù mặt do E.coli, giúp heo ăn nhiều, tiêu hóa tốt, mau lớn	HCM-X22-145

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4276	MD Supermix N°1	Lysin, Methionine, Threonine, Calcium, Phosphorous	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Calcium, bổ sung đầy đủ các chất dinh dưỡng quan trọng cho heo con sau cai sữa, heo thịt	HCM-X22-146
4277	MD Sowmilk	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B5, Lysin, Tryptophan, Ca,P, Methionine, Threonine	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết giúp cho heo con hồng hào mau lớn, và tạo sữa cho heo nái	HCM-X22-147
4278	MD Amcodex	Ampicillin trihydrate, Colistin sulphate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	HCM-X22-148
4279	MD Oxytetra 200	Oxytetracycline	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Đặc trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline gây ra	HCM-X22-149
4280	MD Ampi gentacol	Ampicillin trihydrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Ampicillin trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X22-150
4281	MD Colamox	Amoxicilline trihydrate, Colistin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng máu, bệnh đường hô hấp, viêm rốn trên bò, heo, chó, mèo	HCM-X22-151
4282	MD Tylo DB	Tylosin tartrate, Thiamphenicol, Prednisolone acetate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Thiamphenicol gây ra trên trâu, bò, heo, cừu, dê	HCM-X22-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4283	MD Antimulin	Neomycine sulfate, Chlortetracycline HCL	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa, CRD ghép E.coli, khẹc mũi trên gà, vịt	HCM-X22-153
4284	MD EDT 115	Erythromycin, Doxycyclin HCL	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên gà, vịt, cút, ngan	HCM-X22-154
4285	MD Kanagencosone	Kanamycine sulfate, Gentamycin sulfate	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, sinh dục trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-155
4286	MD Vitamin K	Vitamin K3	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Cầm máu trong các trường hợp: Xuất huyết, phẫu thuật, tiêu ra máu trên bò, ngựa, heo, chó, mèo, gà	HCM-X22-161
4287	MD ADE B. Complex	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Nicotinamide, D-Pantothenol	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin trên trâu, bò, lạc đà, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X22-162
4288	MD Vita Bovin	Vitamin A, D3, E, K, B2, B5, B12, B6, PP, C, Nicotinamide, Lysin, Methionin, Threonine, Tryptophan, Ca, P	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 10kg	Phòng và trị còi xương, kích thíc tăng trưởng, tăng sức đề kháng	HCM-X22-163
4289	MD Cefalexine 150	Cefalexine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục trên chó, mèo	HCM-X22-164
4290	MD Divermectin 1%	Ivermectin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nội ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, heo, cừu	HCM-X22-165

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4291	MD Oxytocin	Oxytocin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Tăng co bóp tử cung, sót nhau, kích thích tiết sữa	HCM-X22-166
4292	MD AD3E	Vitamin A, D3, E	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin A, D3, E, tăng sức đề kháng	HCM-X22-167
4293	MD-Tylospect	Tylosin, Spectinomycine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm khớp, móng, viêm tử cung, nhiễm trùng, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X22-168
4294	MD Bromhexine B	Bromhexine	Gói, bao, hộp	50; 100; 250; 500g, 1; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản	HCM-X22-169
4295	MD Analgin-C V	Analgin, Vitamin C	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Giảm đau, hạ sốt, tăng cường sức đề kháng	HCM-X22-170
4296	MD Aspirin V	Aspirin, Chlorpheniramine	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Giảm sốt, hạ nhiệt	HCM-X22-171
4297	MD Biolaczym V	Bacillus subtilis	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Ngăn ngừa bệnh đường ruột, rối loạn tiêu hóa	HCM-X22-172
4298	MD Bromhexine V	Bromhexine	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản	HCM-X22-173
4299	MD Electrolyte V	Sodium bicarbonate, sodium chloride, potassium choloride	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10 viên/vỉ	Ổn định chất điện giải, chống stress	HCM-X22-174
4300	MD Para V	Paracetamol, Vitamin C, Chlorpheniramine	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10viên/vỉ	Hạ sốt, giảm đau	HCM-X22-175

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4301	MD Vita-C Soluble 105 V	Vitamin C	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10viên/vỉ	Tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống suy nhược, kích thích tính thèm ăn	HCM-X22-176
4302	VITA MD V	Vitamin A, D3, E, K3, B12, C, Nicotinamide, Thiamine, Biotin, Folic, Pyridoxine, Calcium, Riboflavin	Tuýp, vỉ	10 viên/tuýp, 10viên/vỉ	Tăng cường vitamin và calcium, chống stress, tăng sức đề kháng	HCM-X22-177
4303	MD AD_3B_{12}	Vitamin A, D_3, B_{12}	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược, còi cọc, bại liệt, kém ăn, thiếu máu	HCM-X22-178
4304	MD Paramin-C	Paracetamol, Vitamin C	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt	HCM-X22-179
4305	MD Oxide ADC	N-akyldimethyl, Glutaraldehyde	Chai, lọ, can	100; 500; 1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương	HCM-X22-180
4306	MD antibiotic TD	Enrofloxacine base	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine trên trâu, bò, lợn, chó	HCM-X22-181
4307	MD-Beta	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X22-182
4308	MD-Oxcine 500	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, gia cầm	HCM-X22-183
4309	MD 19	Colistin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm	HCM-X22-184
4310	MD Toltrazil	Toltrazuril	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên heo con do nhiễm Isospora suis	HCM-X22-185

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4311	MD Midal	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Viên/vỉ/ hộp	Vỉ 5 viên	Trị viêm tử cung trên gia súc	HCM-X22-186
4312	MD Myco Stop	Lincomycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị Mycoplasma, lỵ, E.Coli, CRD, viêm ruột, viêm phổi, viêm da, viêm khớp, trên heo, chó, mèo, gia cầm	HCM-X22-187
4313	Amin	Dextrose, Calcium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Sodium acetate, D-Panthenol, Pyridoxin HCL, Thiamin HCL, L-Cystine HCL, L-Threonine, L-Lysin, Tryptophan, DL-Methionin, Riboflavin sodium phosphate, Nicotinamide	Chai	10; 20; 50; 100ml	Điều trị hỗ trợ động vật suy nhược và tiêu chảy trên bò, ngựa, lợn	HCM-X22-188
4314	MD Antino-Fort	Doxycyclin, Erythromycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-189
4315	MD Amox 150 LA	Amoxicillin trihydrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị viêm ruột do E.coli, Salmonella, Clostrium, viêm khớp, viêm màng não, viêm phổi, viêm phế quản và các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gram (-) gây ra	HCM-X22-190

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4316	MD KANA	Kanamycin	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu, đường sinh dục, đường tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng da, vết thương trên trâu, bò, lợn, chó, mèo và gia cầm	HCM-X22-191
4317	MD Lincospec B	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL	Bao, gói	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X22-192
4318	MD Amox 20%	Amoxycillin trihydrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-193
4319	MD-Doxy 20%	Doxycycline	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-194
4320	MD-Colítrim	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-195
4321	MD Toltracox 2,5%	Toltrazuril	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X22-196
4322	MD Tiamulin 45%	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm phổi phức hợp, lỵ trên lợn	HCM-X22-197
4323	MD Vitamin C 50%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Nâng cao sức đề kháng trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-198
4324	MD Tylo 20%	Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-199
4325	MD HISRAMIN	Clorpheniramin	Chai	100; 500ml; 1lít	Thuốc chống dị ứng	HCM-X22-200

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4326	MD LIDOCAIN	Lidocain	Chai	100; 500ml; 1lít	Gây tê cục bộ	HCM-X22-201
4327	MD Amitraz 12,5%	Amitraz	Chai	100; 500ml; 1lít	Phòng và trị bệnh ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê, cừu, heo	HCM-X22-202
4328	MD Hemomax 150	Vitamin B12, Iron Ammonium Citrate, Riboflavin 5-phosphate sodium, Pyridoxine HCl, Niacinamide, DPanthenol, Cobalt Gluconate, Copper Gluconate, Choline Chloride, Biotin, Inositol, L-Lysine, DL-Methionine, Glycine, Benzyl Alcohol	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh do thiếu sắt, amino acid và vitamin nhóm B	HCM-X22-203
4329	MD ANTIBIOTIC TD	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1L	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X22-204
4330	MD BETA	Oxytetracycline	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1L	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X22-205

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4331	MD OXCINE 500	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1L	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	HCM-X22-206
4332	MD 19	Colistin Sulfate	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1L	Trị bệnh đường ruột, dạ dày, tiêu chảy	HCM-X22-207
4333	MD Amoxycol	Amoxicilline trihydrate, Colistin Sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	HCM-X22-208
4334	MD Amox-colistin	Amoxicilline trihydrate, Colistin Sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, viêm màng não, viêm khớp, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	HCM-X22-209
4335	MD Doxycol	Doxycycline, Colistin sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-210
4336	MD Gentadox	Gentamicin sulfate, Doxycycline HCl	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-211
4337	MD Paracold wsp	Paracetamol	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Hạ sốt, giảm đau	HCM-X22-212
4338	MD Tylodox	Tylosin Tartrate, Doxycycline HCl	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HCM-X22-213

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4339	MD Stress mix	Paracetamol, Sorbitol, Vitamin C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Chống stress khi tiêm vaccine, thời kỳ ủ bệnh ở vật nuôi, chuyển chuồng, thay đổi thời tiết, thức ăn, chuồng trại ẩm thấp	HCM-X22-214
4340	MD HEMATOMIN	Iron Gluconate, Manganese Gluconate, Copper Gluconate	Chai	10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Cung cấp sắt cho cơ thể, giúp phòng ngừa bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở thú nuôi	HCM-X22-215
4341	MD ASPIRIN	Acetylsalicylic acid	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giảm đau, hạ sốt, chống viêm, điều trị cảm cúm, sổ mũi ở gia súc, lợn	HCM-X22-216
4342	MD NORMAL SALINE	Sodium Chloride	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Chống mất nước. Làm dung môi pha loãng cho kháng sinh và các dược phẩm, sinh phẩm khác tương thích, hoặc dùng để rửa niêm mạc và các bề mặt mô khác	HCM-X22-217
4343	MD AMOX 500	Amoxicillin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 400; 450; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxicillin gây ra trên bê nghé, lợn và gia cầm	HCM-X22-218
4344	MD REDNALGIN	Vitamin A, D3, E, B2, B6, B12, K, Dipyrone, D-Panthenol	Chai	10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Cung cấp Vitamin cần thiết cho mọi thú nuôi. Chống stress, tăng sức đề kháng, nâng cao khả năng miễn dịch, hiệu quả cao trong giai đoạn gà bị Gumboro	HCM-X22-219
4345	MD TOPMIN	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, K, D-Panthenol, L-Lysine, DL-Methionine, Protein	Chai	10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Bổ sung các acid amin và vitamin cần thiết trong mọi giai đoạn phát triển của thú nuôi, nhất là thú non. Tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống còi cọc, kích thích thèm ăn, tăng cường khả năng chuyển hóa thức ăn	HCM-X22-220

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4346	MD TYLO 300LA	Tylosin Tartrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, Leptospirosis, viêm tai giữa trên trâu bò, lợn, chó, mèo	HCM-X22-221
4347	MD RAPID LIVER	Vitamin B1, B2, B12, Sorbitol, L-Lysine, Dl-Methionine	Chai	10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Tăng cường giải độc và ngăn ngừa rối loạn chức năng gan, thận	HCM-X22-222
4348	MD DEXTROSE 5%	Dextrose Mononhydrate	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Cung cấp nước và năng lượng cho trâu, bò, lợn, gia cầm, chó, mèo	HCM-X22-223

(Xem tiếp Công báo số 421 + 422)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng